

TRUNG BẠC

CHỦ NHẬT



60 • TÂY TẠNG •

Một họa sĩ trong Tây
Tạng đeo mặt nạ đang
múa ở thủ đô trước
vi Hoàng Phủ, trong
một ngày đẹp trời.

CHỦ NHẬT
CHỦ TẠNG

Chiến Đẳng chủ Khơ Sách Xưa Quán Văn Đường

Mặt trời. Thái-bình-dương, không - gần Nhứt! lại hoạt động ở chỗ 5 Lỗ Nam, 13 Nam, 19 Nam Dơi báo hiệu của Hồng-minh bị đánh đến 17 April ở vùng biển Gaudancale: một chiếc d ệ nư c ở « Adromward » của Mỹ, một chiếc ch ỏn đ ỏn « Kanarves », cũng của Mỹ và một chiếc tau đi tuần của x ớ Nouvelle Zélande. Còn quân Anh lại đi tuần lại thêm một mặt trận Điện-đi ỏn để ở những trận tuyến mới, thuận lợi hơn. Mặt thì hình như đã đổ bộ xong ở đảo Aitru trong k ỏa Aleoutiers rồi. Việc này cũng đã được thanh lý chính-ph ỏ Roosevelt nhưng việc chiếm được đảo này không phải là không khó.

Một chút địa-dư và lịch-sử về xứ Tây-Tạng

Tây-tạng là một nước-cổ ngàng với nước Trung-hoa.

Đời xưa, người Trung-hoa gọi nước ấy là Tam-Ngung, đời Hán gọi là đất Khương hoặc Tây-Khương, đời Đường gọi là ro Thổ-phồn, đời Nguyên, đời Minh gọi là đất Ô-ư-quốc hay là Ô-ư-quốc, đời Thanh gọi là Tây-tạng, lấy nghĩa rằng đất ấy ở về phía tây nước Trung-hoa.

Vốn là một nước độc-lập, từ xưa dân Tây-tạng đã có hồi cường-mạnh có đủ sức xâm-lăng đất đai của Trung-hoa, từng làm cho vua tôi nhà Hán và nhà Đường nhiều phen bối-rối. Vậy ta cũng nên biết qua về nước cổ đó.

Bắc giáp Tân-cương (Lâu), đông-bắc giáp Tân-xuyên, đông và tây giáp Diên-diện, Ấn-đo, và Tây-tạng là một miền cao-nguyên rộng và cao nhất hoàn-cầu, so với mặt biển, cao hơn từ 2000 tới 8000 thước tây, xung quanh bao-bọc toàn núi cao phủ tuyết, đường giao-thông hiểm-trở vô cùng. Khí-hậu quanh năm rét, cây cỏ trồng-trọt gần như không có, đời sống rất eo-hẹp khó khăn, nên trên giải cao-nguyên bát ngát (thông cánh có bay, rộng tới 2.000.000 (2 triệu) cây số vuông đó, chỉ vèn ven có chừng gia 2 triệu con người, tính trung bình mỗi cây số vuông chỉ có hơn một người ở (chứ bà với miền trung-châu Bắc-ky ta, mật độ mỗi cây số vuông có chỗ tới hơn 300 người ở).

Chẳng những là miền cao-nguyên rộng nhất, cao nhất hoàn-cầu, Tây-tạng lại là miền núi non trung-diệp hiểm-giữ đủ xỏ nhả thế-gới. Một bên là dãy Hi-má-lạp sơn phân địa-giới với Ấn-đo và một bên là dãy núi Côn-luân phân địa-giới với Trung-hoa — hai dãy núi cao nhất hoàn-cầu — đều xừng-xững đứng thành vai như một bức vụn lý trường thành thiên-cao vậy.

Người ta có thể theo địa-thế thiên nhiên chia Tây-tạng ra làm ba miền khác nhau:

1) Miền Bắc-Tạng hay là miền hồ,

Miền này gồm những cao-nguyên rất cao, chia cách nhau bởi những dãy núi hiểm-trấn, khí-hậu hanh-hao hết sức. Các dòng nước không thể vạch lấy một con đường đi ra tới biển, đành gập chỗ trắng thì đọng lại thành những khu hồ; nước trong như nước giếng khơi, nhưng vì mặn như vì nước biển. Thời-tiết quanh năm rét mướt khó chịu vô cùng.

2) Miền Nam-Tạng hay là miền sông. Tại miền này các thung-lũng đã dần dần lan rộng hơn các núi non. Sông ngòi đã có thể chảy ra biển cả. Người, vật, cây, cỏ đã sống dễ chịu hơn. Tuy nhiên cây cối trồng-trọt vẫn leo-teo lắm.

3) Miền Đông-Tạng ở về phía đông thành Lhassa, xưa kia người ngoài không ai biết đến. (Mãi đến năm 1890 mới có người mao-hiền qua) miền này là miền sơn-cung thủy-tận, từ phía-vách đá trắng xóa những tuyết bao vây, đường giao-thông là những đèo mây hút gió cao tới ngàn trượng, người ngoài tưởng như là một miền không có ai ở vậy.

(Xem tiếp trang 30)



Một gia-đình dân Tây-Tạng trên cao-nguyên Phari

Tại một xứ vô cùng bí-mật

Uông chè tàu với bơ, gục đầu thè lưới... tăn xương người chết cho diều tha quạ mò...

ĐÓ LÀ MÃY TỤC LẠ CỦA XỨ TÂY-TẠNG

Như chúng ta đã biết, Tây-tạng trước là một miền đất phụ-thuộc vào đế-quốc Trung-hoa. — Nhưng bốn bề núi non trùng-trùng điệp-diệp vây đông và chính xứ ấy cũng ở cao hơn mặt biển tới 4000, 5000 thước tây, ngọn gió mới khó lòng thổi tới được vào, nên tới nay Tây-tạng vẫn còn là một xứ vô cùng bí-mật đối với mọi dân-tộc trong hoàn-cầu, và òn là một xứ rợn-rợn với những phong-tục thật là rợn mội, đại khái như mấy tục dưới đây.

Gục đầu thè lưới...

Muốn ở lòng kinh-hai, nười Ấn-Tây cất mũ hoặc bắt tay chào nhau.

Người Trung-hoa chấp tay vái tay.

Người Tây-tạng thì chấp tay vái, tay không để trong khi dập đầu xuống đất, lại phải thè lưỡi dài ra. Có thể mới thật là lỗ-lòng kinh-phục.

Tặng nhau chiếc bằng lục trắng

Theo luật xã-giao Tây-tạng, trong các cuộc tiếp-kiến chánh-thức và long-trọng,

chủ-nhân trước khi mời khách ngồi uống trà, bao giờ cũng phải tặng khách một cái bằng bằng lụa trắng mới nguyên. Tiếp bằng, khách bèn lấy trong mình ra một cái bằng khác cũng mới nguyên như vậy để tặng chủ. Ý-người xưa trao đổi bằng đó như thế nào, người ta không hiểu rõ.

Còn thiện-nam, tín-nữ lên bài kiến các vị thương toa La-ma thì thường được các ngài ban cho những giải lụa đỏ đem về trừ tà chấn-trạch, coi như đạo-bùa rất thiêng rất báu vậy.

Pha trà-lâu với bơ... và muối

Khách đến, Chủ-nhân bày ra trên cái bàn sơn sơn trước mặt, những cái chén bằng bạc, bằng sứ, rồi có cả bằng vàng hay bạc, hoặc những cái chén toàn bạc toàn vàng chạm trổ tinh-vi cổ-kinh. Thế rồi người nhà xách cái ấm tích bằng đồng đánh đại bạc hoặc bằng đất đánh đại đồng, đun sôi rồi vào chén một thứ nước gì vàng-vàng hơi bốc nghi ngút tỏa ra một hương-vị lạ lùng.

Khách nhìn thấy chén nước sền-sệ coi giống cốc kem, mà có vàng nhều coi như vàng nỏ.

Khách ngh ngò, có ý muốn từ chối. Nhưng luật xã-giao từ này bắt buộc khách phải uống chén nước đó. Khách nhấp môi vào chén. Một chất gì nhờn-nhớt tràn vào môi khách, đồng thời khách thấy một vị mặn-mặn ở đầu lưỡi. Ghé gộp buồn nôn, nhưng vẫn phải cạn chén, dù biết đó không phải là chén nước trà.

Không. Đó chính là nước chè, thứ chè lâu nghiên nhỏ chế thành bánh như viên gạo đem tự Trung-hoa sang. Có điều là người Tây-tạng không pha chè như ta. Họ pha thêm bơ vàng để hàng tăng và một chút muối vào ấm chè chắc là để làm tăng... hương-vị... Có khi khách thấy đem ra toàn là đồ gỗ đóng lâu, đen nhánh hoặc sủn rui ghét bảm, mớ đem nhom-nhốp cả lại. Nhưng theo phép lịch-sự khách vẫn phải nhấp môi vào chén, cố nhắm mắt, cố cho trôi cái chén nước ghê tởm đó.

Một bà năm bảy ông!

Hình như người Tây-tạng không phải là những người như chúng ta. Họ không có những cảm-ảnh mãnh-liệt. Họ không biết thế nào là đam-mê, thế nào là ghen-tuông, không bao giờ vì đam-mê hay ghen-tuông mà gây nên tội ác.

Ở Tây-tạng, có tục đa-phu, gái ngoan chàng cũng có

Một chút địa-dư và lịch-sử về xứ Tây-Tạng

Tây-tạng là một nước-cổ ngang với nước Trung-hoa.

Đời xưa, người Trung-hoa gọi nước ấy là Tam-Ngưng, đời Hán gọi là đất Khương hoặc Tây-Khương, đời Đường gọi là ro Thổ-phồn, đời Nguyên, đời Minh gọi là đất Ô-ư-quê hay là Ô-ư-quốc, đời Thanh gọi là Tây-tạng, lấy nghĩa rằng đất ấy ở về phía tây nước Trung-hoa.

Vốn là một nước độc-lập, từ xưa dân Tây-tạng đã có hời cường-mạnh có đủ sức xâm-lăng đất đai của Trung-hoa, từng làm cho vua tôi nhà Hán và nhà Đường nhiều phen bối-rối. Vậy ta cũng nên biết qua về nước cổ đó.

Bắc giáp Tân-cương (Tân), đông-bắc giáp Tân-xuyên, đông và tây giáp Diên-diên, Ấn-độ, xứ Tây-tạng là một miền cao-nguyên rộng và cao nhất hoàn-cầu, so với mặt biển, cao hơn từ 2000 tới 8000 thước tây, xung-quanh bao-bọc toàn núi cao phủ tuyết, đường giao-thông hiểm-trở vô cùng. Khí-hậu quanh năm rất, cây cỏ trồng-trọt gần như không có, đời sống rất eo-hẹp khó khăn, nên trên giải cao-nguyên bát ngát (thẳng cánh cò bay, rộng tới 2.000.000 (2 triệu) cây số vuông đó, chỉ vắn vắn có chừng gia 2 triệu con người, tính trung bình mỗi cây số vuông chỉ có hơn một người ở (chứ bà với miền trung-châu Bắc-kỳ ta, mật độ mỗi cây số vuông có chỗ tới hơn 300 người ở).

Chẳng những là miền cao-nguyên rộng nhứt, cao nhất hoàn-cầu, Tây-tạng lại là miền núi non trung-diệp hiểm-giữ đồ xộ nhứt thế-giới. Một bên là dãy Hi-mã-lạp sơn phân địa-giới với Ấn-độ và một bên là dãy núi Côn-luân phân địa-giới với Trung-hoa — hai dãy núi cao nhất hoàn-cầu — đều xừng-xững đứng thành vai như một bức vắn lý trường-thành thiên-tạo vậy.

Người ta có thể theo địa-thể thiên-nhiên chia Tây-tạng ra làm ba miền khác-nhau:

1) Miền Bắc-Tạng hay là miền hồ.

Miền này gồm những cao-nguyên rất cao, chia cách nhau bởi những dãy núi hiểm-trấn, khí-hậu hanh-hao hễ sức. Các giòng nước không thể vạch lấy một con đường đi ra tới biển, đành gặp chỗ trảng thì đọng lại thành những khu hồ; nước trong như nước giếng khơi, nhưng vì mận như vì nước biển. Thời-tiết quanh năm rét mướt khó chịu vô cùng.

2) Miền Nam-Tạng hay là miền sông. Tại miền này các thung-lũng đã dần dần lan rộng hơn các núi non. Sông ngòi đã có thể chảy ra biển cả. Người, vật, cây, cỏ đã sống dễ chịu hơn. Tuy nhiên cây cỏ trồng-trọt vẫn lèo-lẻo lẫm.

3) Miền Đông-Tạng ở về phía đông thành Thassia, xưa kia người ngoài không ai biết đến. (Mãi đến năm 1890 mới có người mạo hiểm qua) miền này là miền sơn-cung thủy-lạc, từ phía-vách đá trắng xóa những tuyết bao vây, đường giao-thông là những đèo mây hát gió cao tít ngán trùng, người ngoài tưởng như là một miền không có ai ở vậy.

(Xem tiếp trang 30)



Một gia-đình dân Tây-Tạng trên cao-nguyên Phari

Tại một xứ vô cùng bí-mật

Uông chè tàu với bơ, gục đầu thè lưỡi...
tản xuong người chệt
cho diều tha quạ mò...

ĐÓ LÀ MẤY TỤC LẠ CỦA XỨ TÂY-TẠNG

Như chúng ta đã biết, Tây-tạng trước là một miền đất phụ-thuộc vào đế-quốc Trung-hoa. — Nhưng bốn bề núi non trùng-trùng điệp-diệp vây dong và chiểu xứ ấy cũng ở cao hơn mặt biển tới 4000, 5000 thước tây, ngọn gió mới khó lòng thổi tới được vào, nên tới nay Tây-tạng vẫn còn là một xứ vô cùng bí-mật đối với mọi dân-tộc trong hoàn-cầu, và òn là một xứ rợn-rợn với những phong-tục thật là rợn-mọi, đại-khại như mấy tục dưới đây.

Gục đầu thè lưỡi...

Muốn rõ lòng kính-ai, nười Ấn-Tây cất mũ hoặc bắt tay chào nhau.

Người Trung-hoa chấp tay vái tay.

Người Tây-tạng thì chấp tay vái, tay không đỡ; trong khi dập đầu xuống đất, lại phải thè lưỡi dài ra. Có thể nói thật là tỏ lòng kính-phục.

Tặng nhau chiếc bằng lục trắng

Theo luật xã-giao Tây-tạng, trong các cuộc tiếp-kiến chánh-thức và long-trọng,

chủ-nhân trước khi mời khách ngồi uống trà, bao giờ cũng phải tặng khách một cái bằng bằng lụa trắng mới nguyên. Tiếp bằng, khách bèn lấy trong mình ra một cái bằng khác cũng mới nguyên như vậy để tặng chủ. Ý-người Tây-tạng đối bằng đó như hể nào, người ta không hiểu rõ.

Còn thiện-nam, tín-nữ lên-bái kiến các vị thượng-toa La-ma thì thường được các ngài ban cho những giải lụa đỏ đem về trừ tà-chấn-trạch, coi như đạo-bùa rất thiêng-rất bá-vực.

Pha trà-lâu với bơ... và muối

Khách đến.

Chủ-nhân bày ra trên cái bàn sơn son trước mặt, những cái chén bằng bạc, bằng sứ, rồi có đĩa bằng vàng hay bạc, hoặc những cái chén toàn bạc hoặc toàn vàng chạm trổ tinh-vi cổ-kính. Thế rồi người nhà xách cái ấm tích bằng đồng đánh đại bạc hoặc bằng đất đánh đại đồng, lên rót vào chén một thứ nước gì vàng-vàng hơi bốc nghi ngút tỏa ra một hương-vị lạ lùng.

Khách nhìn thấy chén nước sền-sệ coi giống cốc kem, mà có vàng nhơn coi như vàng nở.

Khách ngẫm nghĩ, có ý muốn từ chối. Nhưng luật xã-giao xứ này bắt buộc khách phải uống chén nước đó. Khách nhấp môi vào chén. Một chất gì thơm-nhơn cần vào môi-khách, đồng thời: khách thấy một vị mặn-mặn ở đầu lưỡi. Ghé gộp buồn nôn, nhưng vẫn phải cạn chén, đã biết đó không phải là chén nước trà.

Không. Đó chính là nước chè, từ chè lâu nghiên nhỏ chế thành bích nhơn viên gạc đem từ Trung-hoa sang. Có điều là người Tây-tạng không pha chè như ta. Họ pha thêm bơ vàng để hàng thơm và một chút muối vào làm chè chắc là để làm tăng... hương-vị. Có khi khách thấy đem ra toàn là đồ gỗ đóng sẵn, đen nhánh hoặc sẫm ra vì ghét bầm, mà đến thơm-nhơn cả Tây. Nhưng theo phép lịch-sự khách vẫn phải nhấp môi vào chén, rồi nhấp mắt, rồi cho trôi cái chén nước ghê tởm đó.

Một bà nam bảy ông!

Hình như người Tây-tạng không phải là những người như chúng ta. Họ không có những cảm-linh mãnh-liệt. Họ không biết thế nào là đam-mê, thế nào là ghen-tuông, không bao giờ vì đam-mê hay ghen-tuông mà gây nên tội ác.

Ở Tây-tạng, có tục đa-phu, gái ngoan chẳng có hững-ho

thẻ mà lại phải đồng-thời lấy năm bảy chồng. Thẻ mà trong gia-dinh vẫn được êm-thắm.

Một thiếu-nữ ngay ngày hôm -vui-gui, chẳng những phải lấy chồng, mà lại phải lấy luôn hết bảy anh em của chồng, nếu người chồng có anh em. Hoặc không, thì hễ chồng đi đâu xa vắng trong đám bà thi, là người vợ lại đi lấy chồng khác. Khi chồng cũ trở về, nàng vẫn làm vợ cả hai người. Mà lần cưới nào cũng ăn uống linh-dinh no say cả hai họ.

Một thiếu-nữ không chồng mà chưa, là trai vùng tranh nhau đến hỏi làm vợ. A cũng muốn được nàng làm vợ, vì tin rằng nàng không phải là người đàn bà biếm con. Mà con thì họ qui hóa nhất.

Bà Lafagie kể chuyện rằng bà đã có dịp vào một nhà vào bực phú-túc ở Tây-tạng. Trong sân có đủ ngựa, bò, cừu, gà. Tiều thang lên nhà sàn, bà thấy trong một căn nhà tối tăm âm khói, sự nức mùi phân bò khô, — vì ở Tây-tạng người ta không có cối đun, đun cần phân bò phơi khô.

Bà thấy bà chủ trang-diêm toàn vàng và ngọc rất lộng-lả, đang ngồi làm món ăn cạch bép lò.

Ở cạnh đó, có đến bốn ông .. chông ngồi thong dong như xếp hàng trước những cái bàn nhỏ hấp, bình-lịch ăn uống coi ngon lành và vui vẻ vô cùng.

Hồn ông chồng già cô, trẻ cô, nhỏ cô, mỗi người một vẻ, coi chẳng khác gì bốn đứa con ngoan ngoãn đợi mẹ cho ăn. Vốn là họa-sĩ, bà Lafagie có vẽ bức tranh gia-dinh nhà ấy, nó tiêu-biểu cho hàng trăm gia-dinh tương-lự

ở giang-sơn Hoat-Pbát. Thật là một bức tranh gia-dinh ngược đời vô cùng.

Tán xương người chết làm bánh, thịt cắt vớt cho chim

Cũng như ở Ấn-độ, ở Tây-tạng, mỗi khi có ông già bà cả tịch đi, là người ta đem chất củi thiên-hóa, lấy hải-cốt đun vào hộp (tiểu) để trong các tháp.

Nhưng ở miền thành Gyantsé, là miền núi non có tuyết phủ quanh năm, cây cối không có, không lấy gì làm củi để thiên xác người chết, người ta phải nghĩ ra cách khác.

Tại Gyantsé, người chết đều được đưa lên đỉnh một trái núi ở sau đồn binh,

trong một miền khô - khan, cằn-cọc, trơ-trọi, tiêu - diêu, rất hợp với cảnh người chết. Tại đây, người ta không chôn xác chết, nhưng đem xác chết xẻ ra làm những mảnh nhỏ, rắc lấy xương, đem một ít tán nhỏ thanh bột, nhào lẫn với đất và những hạt lúa miên, nặn thành những kim-tự tháp nhỏ cao độ vài phân tây. Những thứ bánh đó đem vẽ, biểu anh em bà con trong họ mỗi người một chiếc, còn thịt thì đem giải lên đỉnh núi để chim chóc và

Trong khi xẻ thịt, rắc xương, tán xương nạn « bánh », thì những đĩa đèn bơ lờ-mờ cháy, những nén hương tỏa khói, nghi - ngút, vài ông thầy tu (lama) mũ vàng chồm nhọ hoắt như cái sừng bò, áo đỏ lung-thung, tụng kinh gõ vào cái mõ làm bằng hai mảnh sừng người ghép liền nhau. Các sư cầu cho người chết siêu-sinh tịnh-độ.

Có khi đang làm lễ, thì đàn chim đã xa xuống tranh mỗi, hình như đó là nơi chúng đã kiếm ăn quen lẹ. Thành ra có khi lễ, tất, thì môn thịt người phơi trên mõm đá cũng hết chỉ còn dính một vài ệt máu sẫm đen...

TÙ-LUYỆN



Một hòa-thượng Tây-tạng

PHẬT SỐNG



Một hòa-thượng dạy Dong-Se, thời sao làm Đẳng xương ông chân người chết

Vua của mấy triệu người

Trên đất Tây-tạng đã mấy trăm năm nay vẫn có một vị Phât-sống được khắp dân Tây-tạng, Mông-cổ và Mãn-châu thờ-kính. Ngài ở tỉnh Lhassa, một nơi phân-hoa mà hàng năm có muôn vạn người sùng-bái đạo Phât đến chiêm-ngưỡng ngài. Sự tôn-sùng đức Phât-sống mạnh vô kể, người ta có thể nói được rằng Phât-sống là vua của mấy triệu dân Tây-tạng.

Vì lòng tin-ngưỡng không bờ-bến đó, nên Phât-sống có một sức-mạnh không ngờ.

Đức Phât-sống ở trong một ngôi chùa gần-dì, quanh ngài có đến ngót 1 vạn vị đạo-sĩ, sự ông luôn luôn chầu chực ít khi ngài ra ngoài, thường chỉ ở trong một gian buồng nhỏ để đem ngày tụng kinh, cầu xin đức Phât-tổ cứu giúp cho muôn vạn sinh-linh của cõi đông-trên. Người đệ đạo Phât tự đem

vua của mấy triệu người, sống đời đời không chết

CÁC ĐIỀU KIẾN ĐỀ LÀM PHẬT SỐNG

phương trời lẫn-lỏi tới Lhassa cũng chẳng mấy khi được thấy mặt ngài nhưng cũng đường-hướng phép mầu của ngài ban cho thiên-hai Đức Phât-sống ngồi trong buồng niêm-kinh, tay ngài cầm một đầu chiếc dây đỏ bên bằng lông lạc-đà và bốn ngựa. Chiếc dây thật dài vì nó chạy từ buồng ngai, qua sáo rồi vượt qua bức tường mà ra ngoài đường cái quan. Ở đó đã có hàng vạn người chờ đợi. Muốn hưởng phúc lành, kẻ mộ-đạo phải nắm tay vào đầu dây đỏ, như vậy sự phúc-đức sẽ từ tay Phât-sống mà chạy vào tay kẻ mộ-đạo. Hàng vạn người tranh nhau cầm đầu dây này, mỗi người phải cũng nhà chùa một số tiền và sẽ nhận được một đạo bùa đỏ để được nhận rằng đã được Phât-sống ban phúc lành cho mình rồi.

Từ bốn phương trời trăm vạn kẻ hoạn nạn khổ đến, hoặc gửi đến những lễ vật quý báu để dâng đức Phât-sống. Người ta thấy ở nhà riêng của đức Phât-sống ở Lhassa những vật rất kỳ-dị: một vị võ quan Nga dâng đức Phât hai cỗ súng trái phác, có kẻ lại dâng ngài mấy chiếc ô-tô « li-mu-din » đắt tiền, kẻ khác kính-biểu nào máy hát, máy té-lê-phôn, các viên ngọc quý, các nước hoa thơm nguyên-chất, những bức vẽ của các họa-sĩ nổi danh. Còn nữa: này các giống chim lạ, các con voi lớn, các con gấu dữ bắt tại núi Him-tlaya cao nhất thế-giới, hoặc là hổ, vượn, rắn, rết, vật từ Ấn-độ đem sang nhưng lễ vật nào cũng chỉ được đức Phât-sống nhìn qua một lát rồi cất đi chỗ khác.



Trong một ngôi đền xứ Tây-Tạng, nhân ngày hội, những hòa-thượng đạo-mật-na trông như một cảnh hội-hợp của quý-sư dưới Âm-ly

Một kho tàng ít có

Kho tàng của đức Phật-sở có bằng của quý mà không một vị vua chúa nào hay một viện bảo-làng nào có. Đây là những miếng vàng mỏ nguyên chất từ Ấn-độ đem sang, các lông rầy, cáo từ Sibiria gửi tới, những nhành hương to lớn quý giá vô ngần trên cao nguyên Pamir đưa la. Nhấn sâu ở Đông-nga, ong-tổ, hồ phách có - miếng vàng to chực cần - từ ở Bắc-bắc, trăm hương cò ngàn năm ở giữa rừng xứ Tây-tạng lấy xương, ngọc-ngà, châu-báu của Ấn-độ - cái xứ có tiếng là có ngọc đẹp nhất thế giới, đồ ngọc trăm khúc ở Bắc-kinh đưa sang.

Thật là kỳ lạ và quý báu đến có trăm triệu cũng không mua được: dù các thứ da cò trắng, đen, xanh, các hộp đồi-mồi chạm trổ kỹ-càng khéo léo quá đời ở trong đựng những tấm vải ngũ sắc đẹp cực kỳ, nhẹ và mỏng đến nổi dài và rộng hàng chục thước mà gấp lại chỉ bằng một bàn tay, những viên kim-cương to chưa mài rũa.

Trong một-phòng riêng có bảy những tượng Phật bằng ngọc, bằng ngà, bằng vàng, bằng bạc, bằng sơn-hồ, hồ phách, bằng sắt, bằng gỗ, bằng hương, gỗ mun và đủ các thứ gỗ quý. Ở trong bụng mỗi ngôi Phật lại có một viên ngọc hay kim-cương rất quý. Người ta thường gọi những viên ngọc đó là ruột của Phật.

Hồi cổ thời, Thành-cát-lư-hân đem quân vào Tây-tạng, và năm 1900 khi quân Đông-Minh vào bức-hiệp vua Thanh ở Bắc-kinh thì

những đoàn quân này chỉ lo phá các ngôi tượng để lấy ngọc ở trong ruột và vì vậy không biết bao nhiêu tượng cổ bị phá vỡ rất nặng.

Nhưng vật quý giá không ở ngọc, ngà, châu-báu mà ở một pho sách từ bao nhiêu thế kỷ dồn lại. Ở đây có đủ các sách cổ, cổ đến nỗi có nhiều quyển đã thành bụi vì lâu năm quá, hàng trăm ông sư ngày đêm chỉ có việc dán lại sách trong khi hàng trăm ông sư khác học rộng hơn ngày đêm khổ-cần các kinh để bổ thêm trầm-thâm ý của đời, của đạo và những lễ của huyền-hỷ của sự Sinh và Tử.

Có một buồng riêng chuyên để các sách cực quý trong kho sách cực quý ấy. Ấy là những sách dạy về Thần, Thánh Tiên, Phật, những phép hân-thông lạ và cách lên giới, xuống bệ, trường sinh bất lão của các vị Tiên, Phật muốn đời đời lại. Buồng này chỉ có riêng đức Phật-sở và một vị đệ nhất đệ-đệ của ngài được vào Thia khóa thì để vào một chiếc hòm riêng với các ấn-trị của đức Phật-sở và chiếc vòng ngọc đeo tay của đức Thánh-cát-tu-lần để lại tự sự còn giữ tới giờ.

Một tỳ cảnh - sát rất đáng sợ

Các đạo-sĩ và sư-ông thường chia ra làm hai loại:

a) Loại đầu gồm có các sư-ông khảo-cử các lễ huyền-bí trong kho sách của đức Phật-sở. Nhiều người rất giỏi Tử-Vi, tương số (Xem tiếp trang 17)

CÁC SƯ' LAMA TÂY-TANG TU HÀNH NHƯ THẾ NÀO?

Có lẽ không đâu nhiều nhà sư bằng xứ Tây-tạng, kể cả nước Ấn-độ là quê hương của Phật tử Thích-ca Mâu-ni. Thị tại cứ tưởng tượng một cảnh sơn-môn rộng lớn bằng cả một trái núi lớn, tường cao chót vót bao quanh dài hàng chục cây số giấu bên trong hàng trăm nóc nhà nhều tầng chồng chất lên nhau, dùng được tới 1000 hay 2000 thầy tu, thật bằng cả một khu thành phố. Mà đó chỉ là đại sơn-môn thành Grantsé, một sơn-môn đứng vào bậc thứ ba, thứ tư ở Tây-tạng.

Chưa kể tỉnh Lhasse là tỉnh Phật-địa-vi cũng như thành-thất Vatican của Gao-hoàng bên La mã, là một thành phố lớn trong có 3000 4000 người toàn là sư-mô để từ trung thành của Hoa-Phật. Tại một xứ yên vẹn, có vài ba triệu người mà cảnh chùa nào cũng có từ 50 tới mấy ngàn nhà sư, thì người ta phải nói với rằng nước đó chính là nước Phật, hay đúng hơn nước của các nhà sư.

Đều do tưởng cảnh không đáng lấy làm lạ. Tại một xứ, mà cuộc sinh sống hết sức khó khăn, cái ý muốn lánh đời, thoát tục là cái ý muốn chung của xã hội. Và chẳng, ở một nước mà ông Phật sống năm chính quyền, ở một nước mà duy có ông Phật là được tôn thờ, thì địa-vị tăng-lữ, khỏi phải nói, người ta cũng biết tất là quan trọng chẳng kém địa-vị các nhà khoa học tại một nước mà chính quyền ở trong tay một ông vua nhà Nho.

Như vậy, nếu người Tây-tạng mộ-đạo Phật, thích đi tu, thì cũng là theo lẽ tự-nhiên, chứ vị tất đã phải là tự có tâm hồn siêu-việt hay thờ một lý-tưởng cao-thượng hơn chúng ta.

Muốn đi tu, muốn làm lama, người ta phải đi tu ngay từ thuở nhỏ.

Nghĩa là từ năm lên sáu tuổi. Vì các sơn-môn chỉ thu nạp những chú tiểu từ tuổi ấy trở lên.

Thu gởi xong, chú tiểu được ăn bận giống như các sư lama đứng tuổi: áo dài đỏ, ngoài mặc thêm cái áo cánh bằng len dày màu vàng, đầu đội cái mũ hình chóp nón chòm nhọn hoạt bằng len màu vàng, cao từ 40 tới 45 phân tây, trên bề dưới to phình ra coi mỗi người như một cái kim-tư-tháp. Ngoài việc học chữ nghĩa kinh sách, và làm lụng hầu hạ trong chùa như pha chè với bột, rót bột vào đĩa đèn thờ, đốt hương thắp đèn,

sáng nào sư và tiểu cũng phải đồng thanh tụng kinh một khóa. Họ quý gói thành từng hàng từng dãy đều nhau, trên những tấm đệm có gai thêu lên trên, trong những căn phòng rộng có cột sơn son, ánh sáng lơ mờ, hương về chính diện, thờ những tượng Phật bằng đất tô màu sắc-sắc dưới ánh sáng huyền ảo những đĩa đèn thấp bằng bạc và vàng sọc.

Hàng nào sắp hàng với hàng này, trẻ già phân biệt nhau. Theo một hiệu lệnh bằng công, bằng tù và hay kèn, họ đồng thanh tụng kinh cầu-ngu-ên, om-un lên như một bản ous, lúc lên bằng lúc xuống trầm nhiều khi nghe như một điệu hát. Đang lúc tụng kinh, thường có một bạn tiểu trạc 12 13 tuổi ở phía trong dãy cửa đi ra, lễ mễ mang những cái hũ, những cái ấm đồng đồ lớn tượng-Hộ điều-quả các dãy lama, nhiều người vừa đọc kinh vừa chia cái cốc nhỏ bằng gỗ ra để họ rót nước chè pha với bột vào rồi ngừng đọc và uống nước nhấp-gong. Chỗ này ngừng nhưng chỗ kia tiếp vaong lên, thành ra không lúc nào nghỉ đọc tuy nhiều người ngừng lại uống chè.

Ước trong hơn giờ đồng hồ thì tẩu kinh. Cảnh cửa không mở ra, lớp-sóng người dồn dập và từ phía trong ra ngoài sân rộng, rồi tản-mat dần dần về các ngã ngang dọc trong sơn-môn, rộng và yên nhà như một khu thành phố



Hai ông... một bà



Trong một ngôi đền ở Tây-Tạng, nhân ngày hội, những hòa-thượng đeo mặt nạ trông như một cảnh hội-hợp của quỷ - sư dưới Âm - ty

Một kho tàng ít có

hoàng của đức Phật - sống cô đơn của một không một vị vua chúa nào hay một bảo-làng nào có. Đây là những miếng ngọc nguyên chất từ Ấn-độ đem sang, lông cày, cáo từ Sibérie gửi tới, nhung hươu ở lớn quý giá vô ngần cao-quyển Pamir đưa la. Nhấn sâu ở ngà-xà, long-rỗ, hổ phách có - miếng răng chực cần - từ ở Bắc-bắc, trăm hương cón nằm ở giữa rừng xứ Tây-tạng lấy ngà, ngọc-ngà, châu-báu của Ấn-đô - cái đồ lễ là có vẻ đẹp nhất thế giới, đồ trang khố ở Bắc-kinh đưa sang.

Phật là lý và quý báu đến có trăm cũng không mua được: dù các thứ da trắng, đeo, xaub, các hộp đôi-môi chạm kỹ-công khéo-léo quá đời ở trong đựng ngọc-lam và ngũ sắc đẹp-cực kỳ, nhẹ và đẹp đến nỗi dài và rộng hàng chục thước gấp lại chỉ bằng một bàn tay, những viên cương to chưa mài sửa.

Trong một phòng riêng có đầy những đồ Phật bằng ngọc, bằng ngà, bằng vàng, bằng bạc, bằng sơn-hồ, hổ phách, bằng sắt, bằng gỗ, bằng hương, gỗ mun và đủ các đồ quý, ở trong bụng mỗi ngôi Phật lại một viên ngọc hay kim-cương rất quý, lời cầu thường gọi những viên ngọc đó là của Thần, Phật.

Đi có thể, Thanh-cát-tu-hân đem quân vào Tây-tạng, và năm 1900 khi quân Đồng-Minh bức-nhiếp vua Thanh ở Bắc-kinh thì

những đoàn quân này chỉ lo phá các ngôi tượng để lấy ngọc ở trong ruột và vì vậy không bắt được nhiều tượng có bị phá vỡ rất nhiều.

Nhưng vật quý giá không ở ngọc, ngà, châu-báu mà ở một pho sách từ bao nhiêu thế kỷ dồn lại. Ở đây có đủ các sách cổ, cổ đến nỗi có nhiều quyển đã thành bụi vì lâu năm quá, hàng trăm ông sư ngày đêm chỉ có việc dán lại sách trong khi hàng trăm ông sư khác học rỗng bụng ngày đêm khảo-cứu các sinh do để hiểu thêm thâm ý của đời, của đạo và những lễ của huyền-bí của sự Sinh và Tử.

Có một buồng riêng chuyên để các sách cực quý trong kho sách cực quý ấy. Ấy là những sách dạy về Thần, Thánh Tiên, Phật, những phép hân-thông lạ và cách lên giới, xuống bệ, trường sinh bất lão của các vị Tiên, Phật muốn đời đời lại. Buồng này chỉ có riêng đức Phật-sống và một vị đệ nhất đệ-đệ của ngài được vào. Thìa khóa thì để vào mỗi chiếc hòm riêng, với các ấn-trị của đức Phật-sống và chiếc vòng ngọc đeo tay của đức Thanh-cát-tu-hân để lại tự xưa còn giữ tới giờ.

Một ty cảnh - sát rất đáng sợ

Các đạo-sĩ và sư ông thường chia ra làm ba loại:

a) Loại đầu gồm có các sư ông khảo-cứu các lễ huyền-bí trong kho sách của đức Phật-sống. Nhiều người rất giỏi Tử-Vi, tướng số

(Xem tiếp trang 17)

CÁC SƯ' LAMA TÂY-TANG TU HÀNH NHƯ THẾ NÀO?

Có lẽ không đâu nhiều nhà sư bằng xứ Tây-tạng, kể cả nước Ấn-đô là quê hương của Phật tử Thích-ca Mâu-ni. Thì ta cứ tưởng trong một cảnh sơn-môn rộng lớn bằng cả một trái núi lớn, tường cao chót vót bao quanh dài hàng chục cây số giấu bên trong hàng trăm nóc nhà nhô từng chồng chất lên nhau, đựng được tới 1000 hay 2000 thầy tu, thất bằng cả một khu thành phố. Mà đó chỉ là đại sơn-môn thành Gandise, một sơn-môn đứng vào bậc thứ ba, thứ tư ở Tây-tạng.

Chưa kể tỉnh Lhasa là tỉnh Phật địa-vi cũng như thánh thất Vatican của Giáo-hoàng bên La mã, là một thành phố lớn trong có 3000 4000 người toàn là sư-mô đệ tử trung thành của Hoai-Phật. Tại một xứ vốn vốn có vài ba triệu người mà cảnh chùa nào cũng có từ 50 tới mấy ngàn nhà sư, thì người ta phải nói nói rằng nước đó chính là nước Phật, hay đúng hơn nước của các nhà sư.

Đều đó tưởng cũng không đáng lấy làm lạ.

Tại một xứ, mà cuộc sống sống hết sức khó khăn, cái ý muốn lánh đời, thoát tục tất là cái ý muốn chung của số đông. Và chàng, ở một nước mà ông Phật sống nắm chính quyền, ở một nước mà duy có ông Phật là được tôn thờ, thì địa vị tăng-lữ, khỏi phải nói, người ta cũng biết tất là quan - trọng chẳng kém địa vị các nhà khoa học tại một nước mà chính quyền ở trong tay một ông Vua nhà Nho.

Như vậy, nếu người Tây-tạng mộ-đạo Phật, thích đi tu, thì cũng là theo lẽ tự-nhiên, chứ vị tất đã phải là tự có tâm hồn "siêu-việt" hay thờ một lý tưởng cao-thượng hơn chúng ta.

Muốn đi tu, muốn làm lama, người ta phải đi tu ngay từ thuở nhỏ.

Nghĩa là từ năm lên sáu tuổi. Vì các sơn-môn chỉ thu nạp những chú tiểu từ tuổi ấy trở lên.

Thu giới xong, chú tiểu được ăn bận giống như các sư lama đứng tuổi: áo dài đỏ, ngoài mặc thêm cái áo cánh bằng len dày màu vàng, đầu đội cái mũ hình chóp nón nhọn nhọn, hoặc bằng len màu vàng, cao từ 40 tới 45 phân tây, trên bề dưới to phình ra coi mỗi người như một cái kim-tự tháp. Ngoài việc học chữ nghĩa kinh sách, và làm lụng hầu hạ trong chùa như pha chè với bơ, rót bơ vào đĩa đèn thờ, đốt hương thắp đèn,

sáng nào sư và tiểu cũng phải đồng thanh tụng kinh một khóa. Họ quý gọi thành từng hàng từng dãy đều nhau, trên những tấm đệm có giải thềm lên trên, trong những căn phòng rộng có cột sơn son, ánh sáng lơ mơ, hướng về chính điện, thờ những tượng Phật bằng đất tô màu sắc-sử dưới ánh sáng huyền ảo những đĩa đèn thấp bằng bơ và vàng sọc. Hàng nào sắp hàng với hàng nấy, trẻ già phân biệt nhau. Theo một hiệu lệnh bằng công,

bằng tù và hay kèn, họ đồng thanh tụng kinh cầu-nguơn, um-um lên như một bầy ong, lúc lên bổng lúc xuống trầm nhiều khi nghe như một điệu hát. Đang lúc tụng kinh, thường có một bon tiểu trạc 12 13 tuổi ở phía trong dãy cửa đi ra, lễ mễ mang những cái hũ, những cái ấm đồng đỏ lớn tướng Họ đi qua các dãy lama, nhiều người vừa đọc kinh vừa chia cái cốc nhỏ bằng gỗ ra để họ rót nước chè pha với bơ vào rồi ngừng đọc và uống nước nhấp gong. Chỗ này ngừng nhưng chỗ kia tiếng tụng kinh vẫn kế tiếp vang lên, thành ra không lúc nào nghỉ đọc tuy nhiều người ngừng lại uống chè.

Ước trong hơn giờ đồng hồ thì tan kinh. Cảnh cửa không mở ra, lớp sóng người dồn dập và từ phía trong ra ngoài sản - rộng, rồi tản mát dần dần về các ngã ngang dọc trong sơn-môn, rộng và nhiều nhà như một khu thành phố



Hai ông... một bà

Cũng có khi họ rủ nhau cùng leo treo xuống núi xem một người. Âu đến thăm, nhưng đến giờ ăn uống, thì một hồi tù-va, hay một hồi công nổi lên à họ ù té chạy lên sơn-môn.

Qui-củ coi rất nghiêm

Các sư Lama không bắt buộc phải ăn trường-trai. Ở đây rau cỏ hiếm, ăn chay thì lấy gì mà ăn? Nên các sư, chỉ kiêng thịt mỗi tháng ba ngày và trong suốt tháng đầu năm tức là tháng giêng lịch Tàu (người Tây-tạng cũng ăn tết Nguyên-đầu như người Tàu và theo lịch Tàu).

chủ tiêu sau phải trải qua một thời-kỳ học đạo tại tỉnh Phật Lhasa, hoặc tại các sơn-môn lớn ở Tachiloumpo, ở Led hay ở Gyatsé.

Lhasa là một thành phố lớn rộng lắm thuộc quyền thống-trị của hoạt Phật Đạt-lai Lama, nhưng dân số chỉ có độ 30.000 người thôi. Thiên nam tín nữ thập phương mỗi ngày một kéo tới đông thêm, tập nập trên đường như mắc cửi, thành ra số độ tăng dần lên tới gấp ba gấp tư thành Lhasa ở lọt vào giữa một khu thung lũng, núi non trùng-diệp cao ngất bao quanh, thành một cái thành trì thiên-hiêm, Trên

thấy nhều vị thượng-toạ Lama học xưng danh với bốn chữ đó

Nhiều vị Lama không những là người Phật-học văn-thâm, mà lại còn là nhà văn hào, thi hào hay nghệ-sĩ trác-tuyệt.

Nghệ-sĩ đây là những người có tài vẽ tranh chư Phật, là những bức tranh phải họa đúng kiểu tả trong kinh sách đã đánh, lại phải là những bức tranh linh-thiêng huyền-diệu, chỗ đạo cao đức trọng của người vẽ tranh. Thường họ là những người tuổi cao tác lớn, nổi tiếng đặc đạo trong thiên-môn Nghệ sĩ đây lại là những

bên pháp-thuật, trên đỉnh các núi pon còn có nhiều nhà tu kín danh riêng cho các nhà sư gần đây đặc đạo.

Chúng ta hãy thăm qua mấy nơi tu kín tại tuyết sơn miền tỉnh Gyantsé.

Đường đèo chân núi, xa xa, ngược mới lên người đã thấy trên sườn núi trắng xóa phẳng lì như gương, cao chót vót, viết những chữ đen, mỗi chữ cao bằng bao nhiêu thước tây, có lẽ là những đại tự lớn nhất thế giới. Đó là sáu chữ "Úm ma nê bát mê hồng" của nhà Phật viết bằng chữ Tây-tạng. Câu chú lục tự đó viết là liệt trên mấy mặt núi tuyết gây thành một cái hiệu lực tượng-trưng mạnh mẽ sáu xa vô cùng. Chỉ nhìn những chữ không lồ đó, người ta đã linh cảm một sự gì huyền-bí ở trên núi tuyết rồi.

Leo đèo, leo đèo, hết chữ chỉ này đến chữ chỉ khác, người ta lên tới sườn núi.

Những lỗ đục vào vách núi sâu hoắm như những cái hang, xây tường bên ngoài, niêm phong các thân, duy có một cái cửa sổ nhỏ khóa trái bên ngoài. Những hang hốc kín đó chính là những nhà tu kín vậy. Trong hang đá đó, có một nhà sư quỳ tụng niệm tham thiền suốt ngày suốt tháng, không được nghỉ, được nằm - vì làm gì đó chỗ? - chỉ nghĩ gả ngủ gật mỗi đêm độ vài giờ, và ăn uống cực kỳ thanh đạm chỉ đủ để cầm hơi.

Cứ bốn ngày một lần, một nhà tu theo lệnh trên đem bột và nước đến cung cho các vị chân tu trong hang thôi.

Đến trước mỗi cửa sổ, hán gờ mấy tiếng, làm hiệu rồi mới mở lỗ nhỏ ra để vào thành cửa bên trong một bộ bột nhỏ và một bình nước lã. Người ở trong chẳng nói chẳng rằng, từ từ gột bàn tay gầy như ống sậy đen đen như ma, cất lấy nước và bột.

Người ở ngoài lại đóng lỗ cửa sổ vào rồi gõ sang hang khác. Chẳng thấy ai trả lời. Lát sau cái màn cửa đen rung rung, rồi một bàn tay bí-mật với ra lấy lương thực rồi lại biến vào chỗ tối tăm, như chết dưới cái mồ sâu, khi người vẫn sống.

Những vị tu hành trong hang núi đó, đều là những nhà sư đạo cao đức trọng, sắp ngộ chính-giác, ngày đêm tĩnh tọa tham-viễn như vậy ít ra là từ 5 năm đến 10 năm trời. Họ đã đặc đạo rồi, nên được nhân dân và tín-đồ hết sự sùng bái. Núi tuyết dùng làm nơi tĩnh tọa của các ngài được coi là linh-sơn, tức là núi non của Phật, nên người ta mới khắc những chữ "Úm ma nê bát mê hồng" của Phật ở bốn xung quanh.

Bây giờ các bậc thượng tọa ở sơn-môn gần đó được tin mới tới nơi, mở khóa ra, rước xác chết của nhà sư ra rồi làm lễ hỏa thiêu rất là trọng-thể. Hai cốt của vị ấy sẽ được đứng vào bảo hạp để vào bảo tháp, và từ đây trở đi, vị ấy được coi là đã thành Phật.

Có tiếng nhất Nankỳ

Món ăn có tiếng khắp ba kỳ: nem, bánh hỏi Thủ-đức, bánh phồng tôm. Chỗ ăn sang trọng lịch sự, mới mẻ.

Bar-QUAN-CÔNG

góc đường Amiral Krantz và Laquette Saigon

NHÀ SÁCH

NG. KHÁNH ĐÀM

12 Sabourain - Saigon

Nhân đồng sách
bằng gấm và da dù
màu. Đẹp, trang nhã

Có vị phát nguyên (tên tu như vậy trong 20 năm 30 năm. Cũng có vị chỉ phát nguyên tĩnh tu trong 10 năm trời thôi. Ai chết thì thành Phật. Ai sống thì khi hoàn nguyên, sẽ được cất lên ngôi thượng-toạ đứng đầu một cảnh chùa, một sơn-môn.

Hết, thấy các vị sư, giáo chủ các sơn-môn trong nước đều là những vị đã đạt tinh tọa tham-viễn như vậy ít ra là từ 5 năm đến 10 năm trời. Họ đã đặc đạo rồi, nên được nhân dân và tín-đồ hết sự sùng bái. Núi tuyết dùng làm nơi tĩnh tọa của các ngài được coi là linh-sơn, tức là núi non của Phật, nên người ta mới khắc những chữ "Úm ma nê bát mê hồng" của Phật ở bốn xung quanh.

Ta nên nhớ rằng trước khi tới tuyết sơn huyết-cư tĩnh tọa, các vị sư đã trải qua một thời-kỳ tập-sư trong các mật-phòng như trong chùa, trên rừng treo lủng-lẳng những giống vật lột da nười trâu, trên bàn để la-liệt những xương người, cái thì dùng làm mỡ, cái thì dùng làm sáo, thiếu khi trời và ánh sáng, các phòng khóa trái bên ngoài bữa bữa có người mở ra đưa thức ăn uống vào rồi lại khóa lại...

Coi đó, nhà sư Tây-tạng mà chúng ngồi thượng tọa, được đợng dưng một sơn-môn đông từ 50 tới hàng ngàn nhà chẳng phải dễ-dàng gì, mà thật là khổ công tu luyện chẳng ng ý làm làm mới được. Và bắt đầu từ đây giờ vị Tở sơn-môn đó sẽ riêng một cái tĩnh-phòng cao tới trên hết các tầng lầu trong chùa, lấy nghĩa đó là nơi gần trời nhất, gần cõi cực-lạc nhất.

Au cũng là để bù vào những năm dài ngồi đợng tham thiền (tên họ trong nơi hang tối u-âm, lạnh-lẽo tiêu-diễn như cái má).

VĂN-LANG



Quang cảnh thành-phố Phật Gyantsé, bao bọc bởi những bức tường quét vôi đỏ chói

Tục ăn chay tuy không bắt buộc, song những người làm nghề đồ-tê vẫn bị thiên-hạ coi là những hạng người uế-tạp như-nhờ không được sống lẫn trong xã hội những tín-đồ của đức Đạt-lai Lama ở tỉnh Phật Lhasa và đức Pantchen Rinpotchi ngự ở đại thành-thất Tachiloumpo, hai vị hoạt phát và nhue thân bồ-tát của dân Tây-tạng. Chúng phải ở riêng biệt ra một nơi, trong những căn lều từng vách xếp toàn bằng xương cừu, xương hổ, xương yak

Người một ngày một lần, học một ngày một năm, các

đỉnh núi treo leo, xưng xưng tòa cung điện nguy nga tráng lệ và đồ xỏ của đức Đạt lai Lama, gọi là điện Potala Cái tên ý nghĩa tương đương với cái tên Vatican ở nước Ý. Điện Potala là một đám trường cao, thành dài quét vôi đỏ chói lọi, bao bọc bao nhiêu lầu đài tráng-lệ mà người ta chỉ được thấy những mái nhà thép vàng nuốt óng ánh nhờ lên đó là trung-tâm điện, nên Phật-học Tây-tạng. Có đến một thì nhà sư Lama mới có thể tự phụ là đạo cao, học rộng được.

Đạo cao, học rộng! Người ta

người có tài khéo, như khéo chế sáo bằng ống xương người, hoặc lấy một mảnh xương người chạm khắc thành những hình thú vật, ma quỷ

Tại Tây-tạng có nhiều sơn-môn lớn rộng đồ-xỏ vô cùng dung tời hang văn nhà sư, mỗi người ở riêng một nhà quanh năm tụng niệm không lúc nào ra khỏi nhà mình. Và nhiều chùa thờ những tượng Phật rất lớn, có ông Phật đứng cao mấy tầng nhà, rồi đặt cao một từ trái tới cầm đá dài tới 1 thước dưỡi, tầy lkhông. Không những trường Phật-học trứ danh đây người ta những bữa

MỘT CẢNH PHIÊN CHỢ Ở XỨ TÂY-TẠNG

Muốn khảo sát tình trạng sinh hoạt một dân tộc, một địa phương tưởng không gì bằng dạo thăm cảnh trang các phiên-chợ của địa phương ấy, dân-tộc ấy. Ở đó bày ra trước mắt du-khách, chẳng những hàng hóa, thực phẩm, các thứ nhu cần cho đời sống vật chất của cả một xứ, một miền, mà qua các thứ đó còn bày ra tất cả những nguyên-vọng, những tin tưởng, những điều kiện sinh hoạt xã-ội, và tri-thức của cả một dân-tộc.

Vậy, theo tập bút-ký của một nhà văn Pháp-Lugie, chúng ta thử dạo coi qua một phiên chợ ở xứ của Hổt-Phật Đại Lai La-Ma, Tây-tạng cũng là một cuộc quan-sát rất linh-hoạt và có ích-lợi cho sự hiểu biết xứ ấy-Tạng vậy. Trên đỉnh một trái núi là đại sơn môn, một cảnh thiên-rừng lớn bằng cả một thành phố, bao la khắp cả trái núi. Trên đỉnh trái núi đối diện là thành-trị là trại lính. Ở vào khoảng giữa hai núi nơi là thành phố Geventse, một thành phố đông dân và buôn bán phồn-thịnh dựng vào bậc thứ ba ở xứ ấy-Tạng.

Tại phiên chợ trong thành phố, người ta ngày mấy họp chợ sáng nào cũng từ 7 giờ đến 10 giờ.

Từ mờ mờ sáng, trong đoàn lái ngựa, ngựa thồ, bò yak từ các miền xa đã lũ lượt nối đuôi kéo tới họp chợ đông nghịt vô cùng. Nhân-dân hoặc giết lợn, ngựa hoặc v. mành nai lưng dựa những bè đàn bằng

tre chứa chất đủ thứ hàng hóa sơn vật. Hàng phố nhà nào cũng một tầng nhưng có những tầng cao vọt hoặc hạ.

Bên trong hàng hóa bày ra san-sát ở ngay mặt đất. Nhiều nhất là lông cừu, lông cừu chưa se thành sợi, lông cừu se rồi, lông cừu dệt thành vải len rồi, lông cừu pha với sợi dệt thành vải tạp hóa thì hầu hết là những đồ tạp-hóa của Đức, những hạt giống các thứ củ cải, bơ đựng trong những bao bằng da cừu, chén dĩa đồng thanh bạch như viên gạch, những giấy cũng bằng da, bi-tết bằng len, hạt bỏ yak đủ lông độc như...à chưa chín để làm với cải bọ, cạnh những đám bún, mấy con chó đất sủa-sọc cúp đuôi chạy quanh.

Trong một tổ những bác lái ngồi co ro, im-lặng bên những đám sách vở và bản thảo cũ rích.

Người qua kẻ lại, mua bán, mặc cả nào nhiệt òn-ào. Bàn

đôi cũng có thể tự chứa lấy bệnh và trở nên danh-ý là nhờ có các sách thuốc của cụ Nguyễn-an-Nhà bằng Quốc-ngữ có cả chữ Hán

- 1) Sách thuốc kim-sơn, 200, 300
- 2) Sách thuốc chữa đau mắt, 200
- 3) Sách thuốc gia-truyền K.N. 200
- 4) Sách thuốc lịch anh-ti 300
- 5) Y-học Tổng-thiên (lịch anh-ti) 120
- 6) Sách thuốc Ngũ-hành T.H. 300
- 7) Sách thuốc Ngũ-hành T.H. 300
- 8) Sách thuốc Ngũ-hành T.H. 300
- 9) Sách thuốc Ngũ-hành T.H. 300
- 10) Sách thuốc Ngũ-hành T.H. 300

Ở xa gần mua thêm củi, thuốc, mành để cho nhà xuất-bán:

NHẬT-NAM THU-QUÂN HANOI

ông đàn bà đều bận áo dài rộng tay như tay áo thụng. Bàn ông thì đầu đội khăn mũ nữa như mũ nồi nữa như khăn mũ của Hoàng-Đế Napoleon, từa tựa mũ chòm-mơ đôi ngang, tóc tết thành bím rua xuống lưng quết mãi bần bần cả lưng áo vì ghét bụi. Đàn bà thì đầu đội khăn mũ như bình thiên có một mảnh hình tam giác rủ xuống trước trán người. Giầu có thường dát ngọc thạch các màu lông-lãnh. Trẻ con thì ở trần-trưởng thô-thiển dơ dơ hoặc được mẹ dụ ở trên lưng, chỉ to-hệ thò ra ngoài tằm da cừu, có đôi-con mắt. Mọi mũi người nào người ấy đều đen đũi. Không phải là vì da họ đen, mà là vì cả năm không tắm bao giờ, ghét tắm đã che mất cả màu sắc của da. Lăn trong đám đông, người ta thấy cả những bọn tù-nhân, đầu tóc bù-sù như bị quạ đánh, ăn-bận rách tước như lông ăn xin, mặt mũi chán tay đem dùi đâm từng ghệt bần. Chúng đi lóe dờ dờ trước, nhưng đi lóe dờ dờ vì dưới mặt các chân đeo cái siêng sắt, như bị gông vậy. Chúng đi xin ăn, vì đi đây tù-nhân ban đêm tuy được nhà-nước cho chỗ ngủ, nhưng từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn chúng phải tự đi tìm lấy cái nuôi miệng.

Thỉnh-thoảng lại có những nhà sư cưỡi ngựa cao tước tay trần, đeo cà-sô, lượn qua đám đông, điểm thêm màu sắc cho cảnh chợ.

Chỗ-chỗ một đoàn vật thồ đi qua. Đám đông lại xô ra, hai bên, người vật dụng chạm nhau, làm chúi những bề tre chấu đẩy những hàng sửa tươi, đĩa bát sứ, đĩa sơn, nồi đất, chén đồng, chén thiếc, ấm gỗ đánh dai đồng thau, điển nên một sự lộn-xộn với vàng hành - đồng như trong phim chiếu bóng.

Xa xa một cửa hàng bày bán toàn những quần áo, khăn quàng, giày ủng, mũ, mao kiểu các quan, cái thì rách một vài chỗ, cái thì bình màu, cái thì da mất cả hình-dạng, coi thật là tiêu-lụy.

Ồn ào như ong vỡ tổ, đám đông đó mua thứ này, bán thứ kia, nói thách giá cao, mặc cả thật rẻ, có kẻ thêm bớt, bô đi, gọi lại bầy rôn trong và ba giờ đồng hồ, rồi lại về nhà ăn, đến khoảng 10 giờ sáng, chỗ họp chợ chỉ còn là một khu phố rác-rưởi vương vãi và vắng lặng như chùa bà Đanh.

HUY-HOÀNG

THUỐC LÃO ĐÔNG-LINH

236, Bùn Cỏ Nam Hanoi
Thuốc Láo Đông-Linh này!
Gần xa nổi tiếng đến!
Khởi thom, trường, ngọt, một
Quốc tây, ta hảo hảo!

Một miếng khô tinh đến đây
đông phải vào lòng khi đã đông
qua hàng hóa của thiên giáy

Anh-Lũ

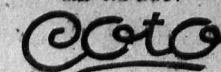
chuyến môn làm các vật:
đầy đẹp, quốc tân-thời v.v...

Toàn gia (t), hân đẹp, hợp thời
phải ở (t), catalogue hình ảnh
Bản báo và bản (t) khắp một
Thư (t) gần phiên (t) gần (t)

Monsieur BINH-VÂN-LÔ

13 - Route de Hanoi - HANOI

SẮP RA ĐỜI:



phần theo một số nữ được-chế theo
phương pháp khoa học, có tính cách
giả giá cho cả một được luôn luôn
trọng-sùng

GUOC MY NU

một thế quốc tốt hơn rất lịch sự để
thay cho giấy đẹp phụ nữ.
Tổng phát hành: Tamda et Co
Cần thêm đại-lý các tỉnh

NHỮNG THANH NIÊN THỂ THAO KHÔNG THỂ BỎ QUA NHỮNG SÁCH THỂ THAO

- 1.- Muốn thành lựu sĩ 0,20
- 2.- Khỏe và Tươi 0,70
- 3.- Khỏe và Tươi 0,70
- 4.- Thể thao phỉ 0,20
- 5.- Một thể trong 3 giờ 0,20
- 6.- Muốn tươi thêm thể 0,20
- 7.- Tập thể và làm ca người 0,20

Bây cuốn sách này đều của tập ở
NGUYỄN-AN, một tập, có tác giả
thể thao không ở là (t) tại (t)

HƯƠNG-SON XUẤT-BẢN

CAI A - PHIÊN

Thuốc Tây-Nhật Khẩu. Tên thuốc
ở 42 giờ (t) và (t), 2000 và (t)
Tư (t) 1000 sống (t) ngày
chỉ bán tại nhà thuốc hoặc các
đại-lý ở các ông không cần
từng mua thuốc mới (t), còn các
ông ở (t) và (t), chỉ (t) (t)
thay (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
nguyên (t) 70-00 (t) (t) (t)
2000 (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)

(t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
SAIGON. Vào (t) 22 (t) (t) (t) (t)
MUE: Nam-Hà, 147 Paul Bert

Cao họ lao (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
lao có (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
tiếng được (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
bệnh (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
mặc (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
có (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
phổ (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
trung (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
kiếm (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
lao (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)

Có nhiều sách thuốc (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
phải (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
lao (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
vì (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)

Hội đồng Hóa giả

đã công nhận 4 thứ thuốc chữa
HỎ LÃO của nhà Đại-A theo giả
dược này:

- 1) CAO HỎ LÃO, chai 50 gr
thuốc: 10p00; chai 50gr thuốc
2p00; chai 10gr thuốc: 4p50
- 2) NGŨ TẮT LÃO, chai 50gr
1p00, chai 10gr 2p00
- 3) DỪNG PHỄ CAO, chai
50gr 8p00
- 4) GIẢI LỄ T. T. 50gr 8p00

Mua thuốc tại tổng-cục: 170,
phố Lê-Lợi, Hanoi, do ông Lê
nhân-Khết quản đốc, hoặc chi
cục: 200 Lagrandiere Saigon, và
Đại-lý: Thanh-niên, 43 phố An
Nguy, Huế, Mat-Kh, Hải-phong,
Sơn-lào giả (t), và chỉ bán
ở (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
71 phố, (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)

Một (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
ở (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
các (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)

BÁCH - KHUẾ ĐẠI-TU - ĐIỆN QUỐC - MỤC

điện (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)

Chỉ nam Nam - Kỳ và Trung-Kỳ Phòng thuốc chữa phôi

(15 Boudou Hanoi Tái 1930)

SAIGON. Vào (t) 22 (t) (t) (t) (t)

MUE: Nam-Hà, 147 Paul Bert

Cao họ lao (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
lao có (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
tiếng được (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
bệnh (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
mặc (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
có (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
phổ (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
trung (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
kiếm (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
lao (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)

Có nhiều sách thuốc (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
phải (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
lao (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)
vì (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t) (t)

TRIẾT LÝ CỦA MỘT NGƯỜI
CÓ HỌC ĐỀ LÀM ÔNG THANH

Vương-Dương-Minh

Đề thay bài kết-luận

Cuối thế-kỷ 15, đầu thế-kỷ 16, nước Tàu này fa cái học Dương-minh, cao thâm mà giản-dĩ, mới mẽ mà có nghị-lực như thế, đáng tiếc người Tàu không biết hoan-ngình. Ngay lúc Dương-minh còn sống, chỉ có một ít sĩ-phu hiểu cái học của ông là hay mà theo, còn thì phần đông xúm lại đem pha công kích, không tha thứ ông cái tội dám cãi Chu-tử. Đến khi ông chết (năm 1528), nhà vua liền hạ lệnh cấm truyền bá học thuyết Dương-minh, cho là nguy-học, cũng vì cái tội ông hiểu thấu Không-giáo khác hơn Chu-tử.

Đời ấy — rồi đến đời Thanh nổi sau cũng thế — người ta đã tin sùng Chu-tử lâu năm quá rồi, nhất dân thấy cái tư-tướng mới mẽ nổi lên, cho là trái ý nghịch tai, không chịu tiên-thu. Kể cầm quyền trong nước, thấy cái học Chu-tử có lợi cho việc ràng buộc nhân-tâm, nâng quyền chuyên-chế của mình hơn, cho nên hết sức giữ gìn bành vực, in những sách Chu-tử chủ thích, làm như sách công, bắt dân phải học. Bọn sĩ-phu thì thấy học-thuyết Dương-minh không có lợi gì cho việc học thì đổ làm quan của họ, nên họ lãnh-đạm, chẳng buồn nghiên-cứu.

Thời-thế và dân-tâm nước Tàu lúc bấy giờ, khiến cho Vương-học không thể truyền-bá hoan-ngình vậy.

Rồi tại chỉ có một người môn-sinh đồng-chí, chịu khó đi ngược đường đời, theo đuổi cái học tương-trí ở chỗ non xanh nước biếc. Nhưng rồi cũng chia ra môn này phái kia, lâu dần hóa ra phái màu nhạt vẻ.

XXI

Dương-Minh-học đã đi
qua nước ta mà sang
Nhật

QUÂN-CHI

còn y-nhiên ở trên sách vở mà bọn môn-nhân đã sưu tập ấn-hành, có điều không mấy người đọc đến, biết đến.

Cuối đời Minh, có mấy ông cổ đạo bác-học ở phương tây sang làm quan trong triều-đình, như Thang-nhược Vọng 湯若望 (P. A. Schall) và Nam-hoài Nhân 南懷仁 (P. F. Verbiest) cũng phải kêu ca Chu-tử chủ-thích Nho-học quá khắt-khe và chịu phục tư-tướng họ Vương rộng rãi, thiết thực, đúng nghĩa Không-giáo. Các ông ấy than-tiếc và khuyên bảo sĩ-phu đương thời nên học theo họ Vương, nhưng họ chẳng nghe.

Thanh ra chính Trung-quốc có một học thuyết hay, người trong nước không biết mà người ngoài biết.

Chính Trung-quốc có sẵn một môn khí-cụ có lợi cho cuộc tiến-hóa mà người trong nước không biết dùng, để cho người ngoài dùng thấy hiệu nghiệm, bấy giờ mới biết, thì đã muộn rồi.

Thật thế, Nhật-bản biết hoan-ngình tư-tướng Dương-minh trước Trung-quốc là nơi dễ ra tư-tướng ấy.

Từ đầu thế-kỷ 17 trở về trước, sĩ-phu Nhật-bản rất mê cái học Trình Chu, coi như chính-học.

Đến họ Đức-xuyên làm mạc-phủ tướng-quân, tiếp được bức một thư của vua Hà-lân cho biết rằng các nước Âu-châu rập

Phái này pha mùi Thiên-học.

Phái kia biến-hóa thành ra có tính-chất du-hiệp.

Nhưng mà tư-tướng chính-truyền của họ Vương vẫn

tâm xâm lược Nhật-bản, Đức-xuyên tướng quân liền hạ lệnh khám nước, không giao thiệp gì với bên ngoài. Nhưng sĩ-phu Nhật không vì thế mà không đón rước những cái hay của ngoại-quốc.

Dương-minh-học truyền vào Nhật trong khoảng ấy.

Thoạt tiên, là Trung-giang Đẳng-thu 江陽 (Nakae Tōju) đem cái học Vương-Dương-Minh — người Nhật gọi là «Oyomei» — truyền-giảng trong đám nho-học; nhiều người nghe lấy làm thích quá, nhay mùa reo hò, như vỗ được của báu. Kể đến môn-đệ là Hùng-trạch Phiến-sơn 熊澤 蕃山 (Kumazawa Banzan) mở rộng sự truyền-bá, thành ra không bao lâu gần khắp nước Nhật đều biết Vương-học, và cái học Trình-Chu bị lẫn hời mất hết thế-lực.

Sĩ-phu Nhật tôn sùng Vương-học đến nỗi người nào cũng đeo ở trước ngực một pho tượng Dương-minh nhỏ bằng ngón tay. Mỗi khi đến thăm bạn, nói chuyện học-hành, trước hết để tượng Dương-minh

ĐÓN BẠC

SỐ HÈ 1943

của T.B.C.N.

Làm rất công phu — Nhiều tranh ảnh đẹp — Có nhiều nhà văn giúp sức

Những bài khảo-cứu về biển, nước, long cung thủy tộc...
Những truyện ngắn giá trị...
Những bài văn vui về nghĩ mát.

Mùa hè, đi tắm, ta nên biết một phong tục rất lạ của Ba Tư.

Tắm kén chồng Tắm kén vợ

Thông-chế Pétain đã nói:

«Nhật có hai trận mà mới đứng lên với quốc gia được thất bại; chúng ta sẽ ở cuối quân đội của sự bất-đạo đức. Sự gần gũi đó, sự kết là tự nhiên, là sự vận động để nhân loại được phục hưng, không phải là một sự vận động của sự thống nhất của nước Pháp».

trên cao và đứng cúi đầu vái mấy cái, để tỏ lòng cung kính rồi mới ngồi lại đàm-đạo. Người Nhật số dĩ hâm-mộ Dương-minh như thế, vì nhận thấy tư-tướng học-vấn của Dương-minh rất có nghị-lực và thiết với thực-dụng hơn. Nhất là những cái đặc-sắc trọng danh-dự, khinh sống chết, cốt tín nghĩa, quý liêm-xì, rất hợp với tinh-thần Võ-sĩ-dạo của người Nhật, thành ra cái học Dương-minh càng được hâm-mộ và dễ thịnh-hành.

Nên biết trong việc mở mang Vương-học ở Nhật, có một phần là công-phu của Chu-thuần-Thủy 朱 舜 水, một người Tàu di-thần nhà Minh chạy sang Nhật và nhập-tịch hồi năm 1657.

Chính cái học Dương-minh đã đào-tạo nên những nhà nho cương nghị, thức thời giúp vào công cuộc Minh-trị duy-tân được chóng kết-quả.

Trong thời-kỳ Nhật-bản duy-tân, những người tiên-phong đặc-lực nhất, như Lương-xuyên Tinh-nham, như Đại-diêm Trung-trai, như Tá-cửu-gian Tượng-sơn, như Cát-diễn Tùng-âm, như Cao-sâm Đông-bành v.v... đều là những học Vương-học đại-sư.

Tây-hương Long-thịnh có công-nghiệp anh hùng nhất trong đời ấy cũng là một người đặc-lực ở Vương-học rất nhiều.

Những anh-tài nổi dậy về sau, như Y-dăng Bác-văn, Tinh-thượng Hinh, Sơn-huyền Hữu-băng, Quế-thái-lang, đều là môn-nhân của Cát-diễn Tùng-âm, tức là có nguồn gốc Vương-học vậy.

Bấy giờ người Tàu mới biết cái học Dương-minh là hay, nhưng thế-lực Âu Mỹ tràn lấn Trung-quốc đã quá trớn mất rồi.

Việt-nam ta ở ngay bên cạnh nước Tàu và từng giao thiệp với nhà Minh nhiều, nhưng thuốc gì nhà nhỏ ta cũng không biết-Vương-học là gì.

Có một lúc, vào giữa thập thất thế-kỷ, Vương-học đi qua cửa ta, ở trong nhà ta khá lâu, ta không biết mà đón lấy. Trừ ra ông Lê-quý Đôn, có thể gọi là một tay bác-học ở đời Lê, có nhắc đến tên ông Vương-dương Minh trong sách thế thời, không bàn gì đến tư-tưởng học-thuyết.

Chu-thuần Thủy, một môn-dồ Vương-học, không chịu tông phực Mãn-thanh, chạy sang nước ta, nương náu ở miền Hội-an hơn mười năm rồi mới sang Nhật nhập-tịch.

Trong thời-gian ấy chúa Nguyễn có vời ông ta nhưng không biết trọng-dụng, vì thấy ông không đỗ đạt cử-nhân tiến-sĩ gì cả.

Sĩ-phu ta đôi khi đến thăm viếng, chỉ hỏi từng chữ sách vụn vặt. Nhiều người hay đến phiên ông xem tướng-số và địa-lý, vì tưởng người Tàu nào cũng tinh các khoa ấy. Bực mình quá, họ Chu phải yết thị ngoài cửa, ngõ ý mình đến nương nhờ giảng minh đạo-học, chứ tướng-số địa-lý chỉ là mặt-học, ông không biết đâu mà hỏi.

Ít lâu, ông đâm chán ngán, bỏ nước Nam đi sang Nhật, xin vào dân Nhật và truyền-thuyết cái học thực-dụng của họ Vương.

Theo ý chúng tôi, Dương-minh-học như ta đã thấy, không phải là một môn cổ-học quá-thời, dù đến ngày nay đem dùng vẫn còn thiết thực và đặc-thể.

Các ngài thử xem kỹ lại những thuyết của Dương-minh về tâm-học, về thân-dân, về tri-tri cách vật, rồi ngẫm nghĩ nhân-lâm thế-đạo chúng ta đang trải hiện giờ xem.

HẾT

QUÁN-CHI

Sách mới

T. B. C. N. vừa nhận được:
SÔNG GIÓ ĐỒNG-CHÂU của THÁI VI LANG
do nhà ĐỐI MỚI xuất-bản, giá 2\$00
ĐỒNG TIỀN MA (truyện học-sinh Đới-mới)
của MICRO, giá 0\$30.

Xin có lời cảm ơn nhà tặng sách [và giới thiệu với bạn đọc.

Hộp thư

Ô. Ô. Lê-tam-Kinh, Phạm-vân-Rg. — Xin cho biết địa-chỉ.
T. B. C. N.

« Quán biễn-thủy » với những nạn bom Haiphong

Tối thứ bảy 29 Mai tại nhà hát-tây Hanoi, Thanh-niên Tài-tử Nghệ-sĩ Liên-hiệp sẽ tổ-chức một dạ-hội giúp những nạn-nhân bị bom ở Cảng. Quan Thống-sứ Bắc-kỳ và Phu-nhân chủ-tọa danh-dự.

Vở kịch chính buổi ấy là Quán Biễn-thủy của thi-sĩ Thao-Thao đã được các báo khen ngợi.

PHẬT SỐNG

(Tiếp theo trang 6)

biết trước được các việc giời, đất, nhân mệnh. Mỗi khi có một vị khách quan nào ở xa tới thăm đức Phật-sống thì các sư ông này thường xem qua tướng, số của các vị khách đó, để xem khách vào hạng người nào, tâm-tính ra sao, lòng mộ Phật ra sao rồi báo cho đức Phật-sống biết trước để đức Phật biết cách mà đối phó với họ khi tiếp họ.

b) Loại nhì gồm các « ông lang » rất lành nghề, ngày đêm các sư ông này khảo cứu y học, tìm kiếm các cây quý, cỏ hiếm và thí-nghiệm các chất thuốc vào người bệnh, học các phương thuốc thần-bí của Mông-cổ, Tây-tạng và luyện các thần-dược, các cao, đan, hoàn, tán tiên trừ được bách bệnh của chúng sinh. Họ chữa bệnh rất giỏi, nhất là các khoa xoa bóp, nắn gãy chân tay thì vô-dịch vì họ cũng có học rõ cả các cơ-thể người ta, tay họ không bao giờ mỏi sẽ như các y-sĩ Âu-tây.

c) Loại ba là loại ghê gớm nhất vì giới nhất. Họ là những người đạo-thâm cho Phật-sống. Họ sống trà-trộn với mọi người để xem ai là kẻ nói xấu hay định không tuân-lệnh của ngài. Trong bọn họ có những người đạo-sĩ rất cao tay chuyên-môn bộ thuốc độc để giết kẻ thù của đức Phật. Ta có thể gọi là những nhà y-sĩ chính-trị. Thật là một thứ khi-giới cực kỳ nguy-hiểm của Phật-sống. Trái lại với các cách bạo-dộng của các nhà chính-trị Âu-tây ám-sát kẻ thù bằng gươm, súng, bom, đức Phật-sống ưa giết kẻ thù bằng thuốc-độc. Người ta bảo rằng các tay bộ thuốc-độc này thường bị cắt lưỡi thành câm để khỏi tiết lộ sự bí-mật của Phật-sống! Người cao tay nhất trong bọn họ là một sư ông đã già hủu-cận đức Phật-sống thứ 31 dưới triều nhà Thanh. Mỗi khi ông tới thăm một ngôi chùa nào thì cả chùa đều kinh-hãi không ai dám ăn, dám uống gì nữa vì sợ bị đầu-độc. Nhưng kẻ đã bị ông định giết thì thế nào cũng sẽ chết vì thuốc độc; chỉ một cái mũi, một chiếc áo, một quyền-sách có rắc thuốc độc mà kẻ bị tội và tình cảm phải là đủ giết chết hẳn rồi.

Hồi ấy nhà Thanh rất tàn-ác, đức Phật-sống thứ 31 có vẻ phẫn-kháng lại nhà vua,

vua Thanh phái ngay một ông lang rất giỏi thuốc độc đến để định đầu độc Phật-sống, nhưng cờ giới gập tay cao ông lang này bị ngay sư-ông già nọ ra đón chào hỏi có vài câu mà lăn ra chết, và không ai biết chết vì lẽ gì. Vua Thanh cũng phải sợ không dám chèn vào tay Phật-sống nữa.

Đức Phật sống đời đời!

Đức Phật-sống không bao giờ chết. Linh-hồn của ngài khi chết tức thì nhập vào một đứa bé ra đời ngay khi ngài chết, nhưng cũng có đôi khi truyền sang một người khác trong khi ngài còn sống.

Lúc nào mà Phật-sống đã bắt đầu cao tuổi và một mối rồi thì các đạo-sĩ ở Lhasa bao tìm các sư-ông khác ở các chùa rải rác trong khắp xứ Mông-cổ và Tây-tạng vì lúc đó là lúc linh-hồn Phật sắp lìa khỏi xác ngài. Tức thì các vị sư-ông phải làm lễ cúng-bái rồi phái người đi tìm xem linh-hồn Phật-sống sẽ nhập vào đâu. Các sư-ông được lệnh đi khắp xứ để tìm kiếm những dấu-hiệu lạ. Có khi Trời sẽ ban phép lạ xuống để cho các vị sư nhận thấy vị Phật mới. Đôi khi một cơn gió thổi biến lên gần một ngôi nhà hay nhà nào có một cơn cơn cơn hai đầu sinh ra hay có một ngôi sao trên Trời hay xuống nhà nào thì nhà ấy sẽ có một người con được linh-hồn đức Phật-sống nhập vào. Có vị sư đi ghi chép những nhà nào sắp đẻ con để phòng khi họ đẻ con đúng vào lúc Phật chết. Có kẻ đi cầu cả ở các hồ trong nội-địa Tây-tạng để đọc tên vị Phật-sống mới sẽ hiện trên vẩy cá, có kẻ nhặt các viên đá vỡ để xem mặt đá chỉ cho mình Phật-sống mới sẽ hiện ở đâu. Hoặc có kẻ treo lên núi cao thanh vắng rồi ở đó hàng tháng để nghe tiếng gió, tiếng mây đọc tên Phật-mới cho mình biết.

Khi nào tìm được tên kẻ đã được linh-hồn Phật nhập vào rồi thì phải báo về cho các đạo-sĩ cao tay khảo xét, cầu xin giới đất cho nhân không vì nếu được đúng phép thì mới được nhận là Phật mới thay cho vị Phật-sống sắp chết hay đã chết rồi.

Vị Phật mới này tức khác được triệu về một ngôi chùa riêng rồi có hàng trăm vị sư dạy cho Phật mới đủ phép Phật, kinh Phật và các lễ-nghe của nhà Phật.

Tức đó Phật mới bắt đầu đời cũ để sống cuộc đời mới làm vua mấy triệu dân mộ Phật ở khắp xứ Tây-tạng.

TÙNG-HIỆP

17-1

RA ĐỜI TỪ NĂM 1921

thuốc bỏ Củ-u-Long-Hoàn Vô - Đỉnh - Dân

ĐÃ TỪNG LÀM DANH DỰ CHO NGHỀ THUỐC VIỆT-NAM
KHẮP XỨ ĐÔNG-PHÁP

CÁC CỬA HÀNG ANNAM VÀ KHÁCH ĐỀU CÓ TRƯ BÀN LẺ

Hộp 2 hoàn : 1\$70. Hộp 4 hoàn : 3\$25. Hộp 10 hoàn : 7\$80

LÊ-VÂN KHÔI

LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT CỦA HỒNG-PHONG

(Tiếp theo)

Bức thư vết thêu, chỉ có mấy câu :

« Nhân thấy các ông thành tâm làm việc ở trên bạo an dân, nên tôi mặc giùm một chuyện cơ-mật. Chẩn hộ thủy-sứ Lê-vân ở Bồn đem chiến-thuyền trở vào Nhà-bè, chia đương chiến binh này trận, định xuất kỳ bất ý đánh vào Phiến-an để lấy lại thành-trị đây.

« Một người đồng-chí vô danh ».

Khỏi chuyên bức thư cho mọi người xem, rồi nói hớn-hở, như cách phân-vua :

— Chúng cô-binh nhỏ ! Nữa anh em mình chưa làm nên việc thực dĩ-đội lốt hư-danh, viết không tha-phục được cảm-tình dân-chúng như thế này.

Một lát nói tiếp :

— Việc hiện-tại là phải trừ ngay mối giặc thủy-quân Lê-vân Bồn, không để nó kịp xâm-phạm tới mình. Tăng-lão-tiền-sinh mưu lược giỏi thật, vừa mới rồi đã nói trước.

Nguyễn-văn Bội và Hoàng-nghĩa-Thư cùng háng hai xin đi, nhưng Khôi đều gạt ra :

— Việc xuất-binh đầu tiên, thắng bại quan-hệ tới đại-quốc không nhỏ, anh em phải nhường phần trách-nhiệm kỳ cho tôi.

— Ừ ! đại-huynh lại nỗ lòng đi choảng một người cùng họ à ? Nghĩa-Thư nói bên một trận trận, theo thói quen thường ngày.

— Quân - sự không hề họ háng thân sự gì cả, hề dấy-lấy thì cơ chém-giết nhau, mệnh ai nấy được. Hướng chỉ họ Lê kỷ có lẽ thuộc với họ Lê rồi đầu ! Anh em ở nhà lo sắp đặt mọi việc, để tôi đi cắt bộ câu lão Bồn đem về làm cái chổi đánh bụi chơi. Lừa ra qua-lôn và dôi lượt thúi, các ông không nghe tiếng sao ?

Khôi nói đoạn, phân tác mọi người đi theo phân-sự đã định, chỉ lại một mình Mạch-tấn Giai để trừ-hoạch thế trận bất-sắc Lê-vân Bồn.

Vào khoảng sáng hai đêm hôm ấy, một chiếc thuyền nhỏ chở hơn hai chục người

lính thủy, chèo đến bên thủy-lại Lê-vân Bồn, đóng ngay trước mặt pháo-dài Dương-công, xưng là quân nhà, xin trở về đội-ngủ.

Lính tuần-tiểu bắt trời cả bọn giải vào trình chủ - tướng, rầm chắc là quân g-an - tể của bên địch sai đến dò-thăm.

Lê-vân Bồn sai nội đước lên, nhận diện quả thật quân nhà ; chẳng những vì thấy sắc-phục đứng, lại thấy họ chèo cả khẩu-hiệu ngày hôm qua nữa, chứng tỏ họ họ thuộc về mấy đội thủy-quân đã bị giặc bắt sống với một số chiến - thuyền. Người nào trông cũng lom-lom, rừ-rực, nhọc-mệt, nhưng được về bên-đội, họ vui mừng lưỡng-cung.

— Các người trốn được à ? Lê-vân Bồn hỏi.

— Bẩm quan lớn, vâng ! cả bọn cùng đáp.

— Thằng Khôi là một tay dùng binh khá lắm kia mà ! Chúng nó canh phòng sơ-lậu thế nào mà các người thoát được thế ?

— Bẩm, cũng may có cơ - hội quân giặc tập nập kén lên Biên-hóa, cả thủy-quân cũng đem đi đánh không biết, chỉ còn đồ ở bên Thị-nghệ độ vài chục chiếc thuyền để tuần-mặt sông. Chúng con ở trong số đó, thừa lúc trời nhá-nhem, và lại phần nhiều quân giặc uống rượu say khướt, chúng con rủ nhau lên mỗ một chiếc thuyền, chèo trốn về đây.

Lê-vân Bồn nghe nói, vừa lo vừa mừng. Lo quân giặc liền đánh cả mấy đồn Long-thành Biên-hóa, tức là chặn đường binh trình không thể vào Nam ; mừng là thành Phiến-an chắc hẳn binh - lực không mấy, có thể xơi xơi kỳ bất ý, công kỳ vô bị mà lấy lại dễ dàng.

Chỗ cao-đền của Lê-vân Bồn tức là chỗ mưu kế của Khôi thả mồi nhử còp, mình đang kích-tỷ. Cả toán tinh-gi là cả quân nhà - kin chỉ là bộ-binh và kiện-túc của Khôi sai một gia binh thủy-trấn về, cốt thực - giục Bồn că quyết tiến công, để đến đường mà đánh.

Quả nhiên Bồn trông kể, Ngay tác kỷ Bồn ra lệnh cho toàn-quân

đồng-hốt xuất-phát, mỗi mái chèo hai người hợp lực, chèo thuyền chạy rồ mau, giao hẹn trước từ-mở sáng phải đến Thị-nghệ.

Đêm trăng, sông rộng, ngớt trầm chiến-thuyền lớn nhỏ, chạy thành hàng ba, vào vút trên mặt nước, kéo dài đến hết đêm, chiếc cò nổi liên-tiếp kia, trông như một cơn-tràng-xa đang vươn mình lướt sóng. Quân-sĩ vừa chèo vừa hát, mà hàng nghìn mái chèo khua động dưới nước, nghe tiếng du dương chim hồng tức là cung đàn nhịp phách tự-nhiên.

Thuyền-chủ-tướng đi giữa trung-đội, trên ngọn cò có treo một lá cờ « Lệnh » hay pháp-phối ; Bồn và mấy viên tá-lương đang ngồi bàn định kế-hoạch tăng-sáng lên bộ, đánh tức vào thành Phiến-an.

Khi còn cách Nhà-bè độ sáu bảy dặm, tiền-đội trông thấy xa xa có vài chục chiếc thuyền đi tới ; nhận rõ là thuyền chiến, nhưng có điều lạ, chiếc nào cũng treo đèn lồng tứ-phái, quân-sĩ ngồi xúm xít, binh như đang nồng-rượu hay đánh bạc ; có thuyền lại gậy đòn và ca-vọng-cò làm vui, đến lặng gió xuôi ỏ xa nghe rõ môn-một.

Ấy là đội thuyền Mạch-tấn Giai cốt đi dụ-dịch. Họ chủ tâm bày trò ứng-dụng vô-lại như thế, để khiến kích Lê-vân Bồn.

Lúc hai bên còn cách nhau chừng vài trăm thước, đội thuyền Mạch-tấn Giai cắt tiếng reo mừng vang dậy mặt sông, rồi nhẹ nhàng thườn-thoát, cả mấy chục chiếc thuyền cùng quay mũi trở lại đi trước.

Quân tiền-đội Lê-vân Bồn ngỡ ngác, chẳng hiểu thế nào. Bỗng nghe đội thuyền phía trước có tiếng loa gọi :

— Bỏ quân-gia !... Ông Lê-vân Bồn viết

Điều luật cốt yếu và duy nhất của Chính-phủ là làm việc công ích



thư hẹn đêm nay đem hẳn bộ thủy-quân lai-hàng, vì thế đại-nguyên-soái sai chăng ta trương-dương kết thế đi đón-rước... Ông bề triệu-dinh nhập hợn với ta, hãy giờ tức là anh em một nhà... Quân ta hãy chờ mừng ông đi !

— Hồ khoan !... Xin chào ông Bồn !
Cả mấy trăm tiếng cùng hòa một loại và reo cuời ầm-ỹ.

Mấy tiếng loa gọi, không khác chim lữ vào thung-dung thướt-sướng. Quân giặc muốn khiến kích chế-nạo thế nào mặc kệ, nhưng trước mặt binh lính triều - đình mà chúng bày dựng đáng-lẽ rằng Lê-vân Bồn viết thư xin hàng, thì Lê-vân Bồn tức giận dữ-ga ỏi mặt. Chúng bày chuyện khấn-nay như thế, khác nào nhử vào mồi ông, làm phi-tướng-trung nghĩa của ông đi, còn gì ? Bồn lại triệu-dinh, tức có chết cả họ còn họ hàng ông không ?

Nhất là đêm nay ông chủ-tâm đem binh-lực của trung-dinh đi khôi-phục thành Phiên-an, nhưng quân giặc làm cho tướng-sĩ bộ-hạ ông đâm ra phân vân nghi-sợ, dường như ông đánh lừa họ, dẫn họ đi theo giặc vậy.

Ông đem chân, ông găm thép, ông chửi rủa; giả ó phép tiến chạy trên mặt nước như binh-dã và đâm cho mỗi chiếc thuyền giặc một đấm tan tành, chìm lìm, chắc ông làm ngay. Tiếc ông không có phép-thuật thần tiên ấy, chỉ rất có hồ hởi, ra lệnh cho quân mình tận lực đuổi theo, bắt sống tất cả bọn giặc trước mặt cho ông bầm vằm chúng nó mới là hả giận.

Nhưng thuyền giặc vẫn ở phía trước, giữ mực cách xa dẫu sau chỉ độ dặm chục thước mà không làm sao theo kịp.

Một lát, lại nghe ở đội thuyền trước có tiếng lo ngại:

— Bớ hàng-tướng Lê-văn Bồn! Có lệnh của đại-nguyên-soái truyền, nghe...

Những tiếng sau ò-ạt theo gió, không nghe rõ.

Lê-văn Bồn căng tức, càng thúc quân đuổi. Không ngờ tiếng ò-ạt vừa qua khỏi Nhà-bè, bỗng dưng hai bên bờ sông cùng có tiếng pháo nổ. Vừa thời mỗi bên rừng lau sậy xa hàng trăm chiếc thuyền, đâm thẳng vào thủy-quân Lê-văn Bồn, chặt đứt ra làm ba đoạn, trước sau không có-cặp được nhau.

Quân mai-phục ấy chính Khôi chỉ-huy.

Giữa tổng-quân-sĩ reo hò và gươm đao chạm nhau soang soang, nghe rõ tiếng Khôi gao hét như sấm vang, áp-đảo nhất thiết:

Bắt lấy thẳng râu quai nón Lê-văn Bồn!

Đúng cho nó chạy thoát!

Binh Triều nghe tiếng đội ấy, biết là chính Khôi cầm quân đội trận, ai nấy đều

giật mình, mười phần nhuệ-khí bỗng lạnh lùng tiến sát hết sáu bảy. Lại kinh ngạc hơn nữa, là nghe giữa hàng ngũ mình đồng thời có những tiếng « ẹ » cục to, ứng theo tiếng hò của tướng giặc mà phát lên tứ phía. Rồi mấy chục người lớn nhỏ, tay gươm, tay giáo, không duy mặt trời ra giao chiến với giặc, lại hướng cả về phía có thuyền Lê-văn Bồn bầm bầm muốn nhảy sang...

Thời chết rồi! binh Triều bị ngoại-công nện-đáng, tức là bọn tự xưng « quân nhà » trốn thoát tay giặc, xin trở về bộ-hạ Lê-văn Bồn lúc này: sự thật là người của Khôi.

Đúng thời, đội thuyền Mạch-tấn Giai cũng đánh vạt lại.

— Bớ anh em! bắt lấy thẳng râu quai nón!

— Ai đầu hàng thì khỏi chết!

— Thuyền Lê - văn Bồn có cờ hiệu kia kia!... Vay bắt lấy nó!

Quân giặc vừa hò hét rầm rì, vừa xấn xô chiến đấu hăng hái, binh Triều cự địch không lại. Hai bên đánh giáp lá cà, không ai nhường nhịn; nhưng giặc tại phòng tên lửa, làm cho binh Triều chạy xém mình-mẩy và thuyền bị đốt cháy mà chìm vô số. Tiếng van lơn kêu khóc vang cả trên sông. Nhiều người đành quăng khí giới xuống nước, xin hàng bên giặc.

Lê-văn Bồn cũng bị tên lửa thiếu trí cả tốc lẫn hãm rầu quai nón. Quân giặc mới dần tích riêng để nhận diện. Nhờ vậy, Lê-văn Bồn nhảy sang một chiếc thuyền nhỏ, rồi thừa lúc lộn xộn, lách mình vào cạnh rừng lau bên bờ; rồi chạy tuột ra cửa bể.

Tăng sáng, thủy-sun binh Triều chỉ còn lại là những binh lính từ trên hoặc bị trọng thương, nằm ngửa ngang rên rí trên những

chiếc thuyền tàn khuyết, trông rất thảm đạm.

Khôi giao cho Mạch-tấn Giai ở lại thu nhặt những linh bị thương, cùng thuyền bè, khí giới, lương thực, bắt được của bên Triều, rồi dẫn thủy-quân thẳng trận trở về. Còn mình thì đem sáu trăm kiện-tốt đồ lên bộ, càn trại cho quân lính nấu cơm và nghỉ ngơi lấy sức.

Nhưng tự mình không biết nghĩ ngợi là gì, hoặc chỉ tâm nghĩ ngợi xác thật, có tình thần thì luôn luôn vận dụng về chương trình hành-binh sắp tới. Khôi sai một tên lính cưới ngựa lừa-trình chạy tốc về thành Phiên-an báo tin thắng trận cho các đồng-chí biết, luôn dịp trao cho Lê-dắc Lực, nguyên-văn Trần một bức thư khẩn-cấp, trong ấy có mạng-lệnh và phương lược chờ hai người tức khắc xuất binh.

Lúc ấy là buổi sáng ngày 20.

Chủ ý của Khôi là đánh cho mau, và đánh cho mạnh để cho binh Triều ở mấy thành trì dồn lữ chung quanh không kịp trở tay đối phó; nhân đây, cũng cố địa-vị Phiên-an là nơi mình lấy làm căn-bản.

Bởi vậy, sau khi quân-sĩ ăn uống nghỉ ngơi lại sức rồi, mọp giấu giữa trưa, Khôi chấp hạ lệnh tiến binh đến đồn Long-thành. Chập tối, đồn này bị công-kích có vai gió đồng hồ thì thất-thủ, tay quân Triều cự lại để lộn, nhưng quân giặc đánh dữ hơn nhiều.

Cũng trong khoảng ấy, một nghìn kỵ-binh và bộ-binh, phân làm hai đội, do Nguyễn-văn Trăn và Lê-dắc Lực thống-xuất, lập như ló, nhanh như gió, tiến lên Biên-hóa. Họ đánh tới sáng thì hãm được thành này, trượng trận thủ bên Triều là Tôn-thất Gia bị bắt sống, nhưng không chịu đầu hàng, chửi rủa quân giặc đáo-đề. Lê-dắc Lực nổi dóa, cho voi đập chết.

Chiều hôm 21, cả hai cánh quân thẳng trận cùng trở về thành Phiên-an.

Chiều thuyền chở Lê-văn Bồn trốn thoát hôm qua, giờ phút này đang chực thẳng hướng ngoài bể, có lướt sóng gió thổi mau, dẽ ra kinh-đó cáo cấp.

(còn nữa)
HỒNG-PHONG

Sách của thư-xã ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT-BẢN:

Thơ ngụ-ngôn La Fontaine

bản dịch của ông Nguyễn-văn-Vinh có cả Pháp văn đối chiếu 150 trang đều có tranh ảnh của Mạnh-Quỳnh. Bìa 3 màu, khổ 17x23. Bìa thường 1400, Bìa giấy Đại-La 900.

Kim-vân-Kiên (tome 1)

bản dịch và chú thích của ông Nguyễn-văn-Vinh. 250 trang khổ 17 x 3. Bìa thường 2p.0. Bìa giấy Vergé boyant 7p.00

Lược - Khảo Việt-Ngư

của ông Lê-văn-Ngư ngắn 100 trang khổ 12x17. Bìa thường 950, Bìa giấy 6p.00

ĐÃ XUẤT-BẢN:

Le paysan Tonkinois à travers le parler populaire

bản Pháp-văn của ông Phạm - Quỳnh 400 trang, cả tranh-ảnh của Mạnh-Quỳnh. Bìa 2 màu, khổ 17x23. Bìa thường 950, Bìa giấy Đại-La 5p.00

Tổng phát hành MAI-LINH 21 rue des Pipes Hanoi

ĐÃ CÓ BẢN:

ỐC KHOA HỌC

cuốn đầu trong bộ
SỨC KHỎE TINH THẦN

của P. N. KHUÊ - giá 2520

Bằng một lối văn dễ dàng, sáng sủa, tác giả bộ « SỨC KHỎE TINH THẦN », dẫn các bạn đi tìm óc khoa học tức là một lối nhận xét, một lối nghĩ, một lối xử trí thiết hợp nhất với đời sống, phiên - tập ngay nay.

Mua một cuốn gửi tiền trước
kèm 0340 đảm bảo về Ö. giảm độc

Hàn Thuyên phát hành

71 - Tiền Tả - Hanoi

ĐÃ CÓ BẢN:

Bối bí mật của con kiến

của Phạm-vân-Giao giá 9p.00
Ái tình, triết-lý và chính-trị trong một xã-hội Sâu Kiến

29 mai phát hành:

QUỐC QUAN THỦ SÂU

của Ngọc-Huân, giá 9p.00.
Có những tác phẩm của người sáng và người khác. Có một quyển liên lạc bạn này. Có nhiều tác phẩm đáng tin cậy nhất. Có những tác phẩm thú vị nhất. Vì sao?
Vì có một quốc quan thủ sâu.

25 mai phát hành:

Có Thuyết

Bản thuyết được ghi thường xuyên khích và chương Tự-Lưu Văn-Bôn năm 1900 của NGUYỄN KHẮC MÍN. Sách này có trang in hình giấy báo tốt. Bìa 3 màu có họa sĩ Lưu văn Sơn trình bày. Giá 9p.00

Thư từ đề cho ông NGUYỄN VĂN TRỌ
giám-đốc nhà xuất-bản SÁNG, 46 Quai Clémenceau - Hanoi

Anh ta là một người như mọi người. Kỳ trước đọc đặc vụ, tới nơi rồi, anh mua một chiếc vé số. Bỗng hi-vọng, anh nghĩ thế, tuy rằng đã không biết bao nhiêu lần anh đã thất vọng vì vé trúng độc đặc không phải là vé của anh ta. Nhưng anh không cần! Anh vẫn xây mộng mới khi mua một vé số. Trước mắt anh phảng phất sáu cái gương số đang quay tít. Tại anh thấy như có tiếng số sẽ kêu cửa sau cái bánh đang quay. Và anh mừng rỡ khi anh nghĩ rằng sáu con số kia chính là sáu con số về anh. Anh trơ số độc đặc! Bay giờ ta tiền những gì nào? Anh làm được bao nhiêu những món tiền cho xứng đáng. Bao nhiêu những thứ mà đồng tiền có thể mua cho anh được, quay lộn trong óc anh. Anh mê mẩn với tay giũa xương sịp lợn. Anh đem đổi trong cửa hàng xương mà anh ta hiểu hơn cho anh. Anh sẽ có những hành-dộng phi-thường mà từ xưa tới nay chưa ai dám làm cả.

Cái lâu-mộng ấy của anh mỗi ngày một nguy-nã đi-sợ cho tới khi sáu con số trong chiếc vé của anh không can thiệp gì đến sáu con số của chiếc vé độc đắc. Anh ta lại thất vọng. Và anh ta lại hi-vọng vì s con may mắn trong nhà chưa hề anh.

Àn ta là «thằng cu Tý xuống ao rửa bát»
là cô «Perrette đôi liền sữa!» (1)

« Mặt diên trong nhà » là sức tưởng-tượng.

Cái lưới của Esape-rất tốt, và cũng lại rất
rẻ. Sức tưởng-tượng của người cũng thế.

Một người nghèo khổ nhớ tướng-tướng
xây đắp một cuộc đời sung sướng, quên
khỏi nỗi gian-nan vất vả, đẹp hết cái kham
khắc cực-nhục. Một người đau ốm nhớ có

(3) Ty rửa bát nhìn thấy cái tai hồ
lưng đồng xu, miên man tưởng tượng đến sự
lành mạnh, và tạo mộng khi ăn tôm nướng ở
Cà Perrotte, trong ngón La Fontaine, để
liên lạc đến anh, anh toàn tưởng tới công việc
lành giàu cho tới khi nghĩ đến công bố nhà
trường là... và cũng nghĩ công lên, đánh rơi vỏ
tôm, ăn... một lần giàu.

tướng-tướng mà đỡ phải những tư-tướng
hắc-âm rầy vò. Người ốm đi lang thang với
tướng-tướng thì những cánh vó sường của
một người tướng-tràng. Còn gì buồn bã cho
bóng cánh từ-oi, xa nhà cả, cách vò con,
thần bị gặm trong bốn bức tường cao vút.
Tướng tướng đi giúp cho tị-nhân sống.
Hầu dà theo tư-tướng mà vượt khỏi nơi u-
âm tịch liêu đã hồn bay về với cảnh gia-dinh
ấm-ấm.

Tướng-tượng là một thứ chỉ-báo của các nghệ-sĩ. Nhà thơ, nhà văn, họa sĩ... đều phải nhờ đến tướng-tượng. Cũng phải nhờ đến tướng-tượng mà các nhà bác-học mới sáng-cho phát-minh ra nhiều cái rất cần, rất lợi cho khoa-học, cho sự sống.

Nhưng một khi «mụ điên» ấy nổi cơn lên thì phải coi chừng! Nhờ nghề mụ có thể làm cho ta buồn cười mà ta thú. Quả hơn, mụ khiến cho con người trở nên lần thâm và đáng áy-nại. Chẳng dè, mụ truyền đi hầu tất bệnh của mụ cho người: bệnh điên-rồ là bệnh của tri-khôn, của tướng-lương. Con bệnh gọi lòng thương xót của tất thảy mọi người biết sợ.

Chỉ vì con mụ điên say bầy mà một người đàn bà, xấu xí cỡ làm ra vẻ xinh tròn. Áo quần quá diêm dúa, diêm trang quá lố lẹt, đi đứng quá lẩy dắng, người đàn bà đó chỉ nhận được những nụ cười mỉa mai, trong khi mong đợi những cái nhìn trân mến.

Một anh chàng nặn óc viết ra được mấy câu vè, đã vội vã tường tượng ngay mình là một đại thi-si, đặt cho mình một tên hiệu rất ngáy-ngô và in hàng mấy trăm danh-thiệp để chia cả chữ thi-si. Anh chàng đó chưa kiếm-thực nổi con mụ diên của anh.

Công đảng phải nêu lên cho những nhà
bác-học quá đề cho trường-wang lợi-kép,
đảng lý đem cái óc đặc-biệt của mình ra tìm
kiếm những thứ thực-tế lại dùng để miệt-mại
với những điều phi-minh-không có thể bắt
giữ có được!

Đại đa số những người lần đầu đều tưởng rằng mình không phải là mình. Có người đi

lầu cũng bảo mình là một con gà và tự
nhận gần cỡ lông gà cục cù như con gà thối.
Cố ngồi, nghĩ định cho mình là giống ngựa
với giống mình; trai thì ăn nói, cử chỉ, ao
quần, khăn áo toàn làm ra gái, và trai lại cái
lại hàng-dòng hàng-hài tự như là trai. Cái
hạng bị bệnh «cưỡng ối-dam» nhiều hơn
hết cả. Bên Tây họ tưởng họ là César, là
Napoleon, bên Đông họ xưng là Hàng-Vũ, là
Lý-Bạch. Họ nhất nhất khuôn cách sinh-
hoạt vào lối của các danh-nhà đó. Muốn
được giống là Napoleon họ nhổ một tay vào
ngực hoặc chấp hai tay ra sau lưng. Muốn
làm ra là Hàng-Vũ họ hò hét, trợn mắt phồng
mặt. «Mụ điên» kia đã làm họ điên thế-sư.

Và «mụ diên» đó cần phải hãm ngăn lại, hệt thận-trọng, nếu là để ý nhìn vào những chỗ giam người diên. Những kẻ khôn ngoan ấy không coi là người nữa. Họ họ bết, hắt xướng, chữ: rủa, phá phách, cười khóc, có những cử-hành-dộng vừa khiến cho ta khó chịu, ngượng ngùng, vừa khiến cho ta tức cười, lại vừa khiến cho ta thương hại.

Bài Ba Hữu trong T.B.C.N. số 156 có xếp lên một dòng — Xin lỗi các bạn và xin đọc như sau :
Hết giòng thứ nhì, cắt hai, trang 30 sau mấy chữ : « tức thì biến ra » xin đọc nối ngay sang trang 31. giòng 14, sau « mấy chữ » pho-thanh ra (tức thì biến ra đồng-vai-hồn v.v.) cho hết câu : « Chết là thể-phách, còn là tinh-anh », thì lại đọc tiếp đến : « Descartes cũng cũng nhận v.v. » giòng 3, cột 2, trang 30).

Gửi bài đăng báo, xin các bạn dán đủ tem để
tránh cho nhà báo nậu nhà Bưu-chính phạt.
Xin các bạn cứ cuộn lại để *article de presse*,
dán tem 6 xu.

Muốn dạy con trở cho có hiệu quả xin đọc:
Nguyên nhân thói xấu của trẻ con

của ông giáo Lê Đoàn-Vũ soạn

Cuốn này sẽ giúp các chú-huynh rèn cho con em mình chữ đẹp được hết các (hồ) hư tự xấu. M¹ cuốn 1920. Bán 1/4 hộp gạo hoặc 1/4 cân gạo.

1920. 1/4 cân gạo hoặc 1/4 cân gạo.

1920. 1/4 cân gạo hoặc 1/4 cân gạo.

NHÀ IN. MAI-LINH — HANOI

	Một năm	6 tháng	3 tháng
Bắc-kỳ, Trung-kỳ . . .	18000	9050	5300
Nam-kỳ, Cao-mên, Ai-lao	20, 00	10, 00	5, 00
Ngoại quốc và Công lộ	60, 00	20, 00	10, 00

Mua báo phải trả tiền trước mandat xin đủ:

TRUNG-BẮC CHỦ-NHẬT, HÀ NỘI

Xem mạch thái - tở

CƠ HỘI
 Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ. Mỗi lần 600.
 Sau đó đi phùng tiền số 6 - Lầu trên, nhà - sau lưng
 với 7 sạp, v.v.v. Giá 600 một cái, 25 cái giá bán hết
 rồi đi nguyên khi khách đi về số 41 (1960). Nhà này
 kinh nghiệm, gan, từ mặt, hậu sản v.v.v. Khi họ học
 tiếp số 11 - v.v. khi họ một lúc v.v.v. Giá 2333
 nhà thuê PHẠM - BA QUÁT 27 Hàng Thuận Xuân

ĐÃ CÓ BẢN:
CHU - MANH - TRINH

của Trúc-Khê và Tiên-Đàm giá trị
Quan áp Chu-mạnh-Trình, tiên-sỹ xuất thân, đã để lại
một sản nghiệp văn chương rất quý giá. Lời văn chuốt
đẹp như sao băng, trí tưởng tượng cao siêu thoát
độc. Ông Chu là một văn hào cụ thể, và một triết
thầy lớn, đã làm vẻ vang cho nền văn học nước nhà.

Tuổi ngày thơ

Từ Hoa-Mai số 27
của Nguyễn-Ngọc — giá 0p18
Kể từ số 27, Hoa-Mai ra khỏi rỗng
bia đôi lại rất mỹ-thuật
Nhà xuất-bản Công-Lực ở Takou Hanoi

DANH RĂNG BĂNG

SAVON DENTIFRICE

KOL

RẰNG CÁC BÀ SẼ
TRONG NHƯ NGỌC
TRẮNG NHƯ NGÀ

DISTRIBUTEUR :
S.A. Poincard & Veyret.
Saigon, P. Penh, Hanoi, Haiphong

Một vị thánh-lăng về được dân cop dữ

Buổi đầu đời Thiên-bồ, niên hiệu vua Huyền-tôn nhà Đường, tại chùa Hành-nhạc có một nhà sư giữ việc quét tước dọn dẹp, pháp hiệu gọi là Lân-Tân. Hàng ngày đọc kinh các sư ăn xong rồi, thu nhặt các thứ còn thừa mà ăn, tình hình biếng lười khiến các môn đệ tào, nên mới dùng hai chữ «Lân-Tân» để tự đặt pháp hiệu cho mình. Lân-Tân ban ngày một mình làm hết các việc trong chùa, ban đêm nằm ngủ trong buồng trâu, như thế hơn hai mươi năm giờ, không hề thay đổi.

Lý-Bật khi còn là học trò, đến ở nhờ một gian phòng trong chùa ấy, để đọc sách cho được tĩnh-mịch. Được ít lâu, thấy cách hành-dòng của Lân-Tân, lấy làm lạ lắm, cho rằng không phải người thường, từ đó lại càng để ý xem xét. Ban đêm, vào hồi canh khuya, Lân-Tân mới nhấc gối giữa sân chùa, lưng tựa lưng Phật, tiếng vang khắp cả một khoảng núi rừng. Lý-Bật có tài hiểu biết thanh âm, nghe rồi đoán định được hay đó, sướng khổ, nghe tiếng tụng kinh của Lân-Tân, lúc đầu ra giọng đau xót, rồi sau ra giọng vui mừng, đoán chắc là một vị thiện tiên bị đày đọa xuống phạm trần, sắp đến lúc lại được siêu thăng thượng giới.

Đã nghe kỹ rồi, chờ tới lúc nửa đêm, Lý-Bật lên đèn lên nôi, sụp xuống lạy và xưng họ tên.

Lân-Tân tỏ ý không bằng lòng, ngửa mặt lên trời mà than rằng:

— Hai ta rồi! Hai ta rồi! Việc ta ta làm, can dự gì đến nhà người mà lại làm phiền đến làm phiền đến ta.

Lý-Bật càng tỏ vẻ kính-cân, vái lạy mãi không thôi. Lúc ấy Lân-Tân đang cầm que bới đồng than phân bỏ, lấy những củ khoai nướng ra ăn. Hồi lâu mới nói:

— Đã đến đây, cùng ta ngồi xuống bãi đất này, ta sẽ có mấy lời chỉ bảo.

Nói rồi, đưa một củ khoai cho Lý bảo ăn đi. Lý hai tay đón lấy ăn hết rồi tạ ơn. Lân-Tân nói:

— Nền căn thiện. Chớ nói nhiều, sau này sẽ làm được lễ-tướng trong mười năm.

Lý-Bật lại vái lạy rồi lui ra. Sau đó một tháng, gặp kỳ quan Thứ-sử trong châu theo lễ bái bái lễ núi Hành-nhạc, theo lệnh quan địa phương, các dân làng ở dọc theo đường quan Thứ-sử trải qua, đều phải san sửa quét dọn cho quang đãng sạch sẽ, nếu trái lệnh sẽ bị nghiêm phạt. Một đoàn đường gần chùa, dân phu ra sức san sửa luôn mấy ngày vừa xong, không ngờ một đêm vào hồi canh khuya, giờ học hỏi cơn mưa bão lớn, một tảng đá rút từ trên một ngọn núi bên đường, đổ gập lăn xuống đất, sức mạnh làm chôn vùi đồng cỏ một vùng, khi giờ sáng mọi người chạy ra xem, thì thấy tảng đá ấy nằm lấp kín cả một đường. Đường ấy lại là độc đạo, quan thứ-sử lễ núi lễ núi lễ phủ đi qua, ngoài ra không còn lối nào nữa. Kỳ lễ đã đến, quan địa phương lo sợ quá, vội-vàng đề thúc dân phu tìm cách đẩy bỏ tảng đá ấy đi, lần lần lấy những gậy tam cổ luôn buộc vào thân tảng đá, dùng mười con trâu lớn để kéo đi, lại thêm vài trăm người giúp sức, càng nhào vào mà kéo, sức kéo đi, kết quả cả trăm lần người dân bị sức mệt mỏi; tảng đá vẫn đứng trơ không hề nhúc nhích.

Sợ quan trên quá trách, dân vì đó mà bị oan-khổ, lòng riêng không nổi, nên muốn ra tay. Vậy các người hãy đến ra đứng cả hai bên đường mà coi, ta chỉ làm trong nháy mắt.

Mọi người thấy nói quả quyết, đồng thanh xin vị sư trưởng cho Lân-Tân ra làm thủ xem sao. Sư trưởng cho phép. Lân-Tân liền lưng thẳng đi ra, đến bên tảng đá, lấy chân bắt mạnh một đầu, tức thì tảng đá đứng



đứng lên, rồi theo chiều dốc cứ lăn lông lốc xuống một cái vực sâu ở chân núi, cây cối đổ gãy rất nhiều, tiếng vang âm như giờ long đất lớn.

— Có gì mà phải làm ta việc thế, không cần phải mượn sức nhiều người, chỉ một mình ta kéo đẩy hết sang bên cạnh là xong mà.

Ai này đều cười lên, cho là người điên cuồng. Lân-Tân nói:

— Ta không điên cuồng đâu! Ta nói thực đấy! Việc trên-tục đáng lẽ ta không đây

Thấy Lân-Tân có một thần lực lạ thường, dân chúng và cả các sư trong chùa, đều khiếp sợ, càng nhào sụp lạy gọi là bậc chí-thánh. Nhất là quan Thứ-sử lại càng tôn kính lắm, coi như một vị Phật sống, sức bảo vệ sư trưởng trong chùa phải dọn

riêng một núi thanh tịnh phụng sự Lân-Tân, nhưng Lân-Tân vẫn tự nhiên như thường và có ý muốn bỏ đi.

Sau đó mấy hôm, chúng quanh chùa lại xảy ra nạn hùm beo quấy rối, trước còn ban đêm, sau đến cả ban ngày, chúng kéo hàng chục, hàng nghìn đi lại trên đường, bắt các vật mà ăn thịt, nhân-dân không ai dám qua lại gần chùa, quan địa phương ngày đêm cử binh toán lính đến dồn đuổi mà không sao trừ được. Lân-Tân nói với mọi người:

— Không hề gì, cứ cho ta một cây gậy sắt, ta sẽ đuổi hết cho mà coi. Công-chúng cho rằng tảng đá lớn có thể đẩy được đi phăng phăng, nữa là hùm beo, chắc là Lân-Tân sẽ đuổi được đi dễ dàng. Rồi cũng tìm một cái gậy đưa cho Lân-Tân, hùm beo chia đứng nép ở trong chùa mà nhìn ra. Lân-Tân tay cầm gậy, đi ra ngoài chùa, hi vừa gặp một đàn bốn con cò ở trong một bụi dâm đi ra, mọi người đều nom-nớp lo sợ thay, bỗng thấy Lân-Tân bay đến nắm cổ con cò đầu đàn, vỗ-vỗ xoa vuốt. Con cò lúc đầu còn ra vẻ hung hăng, rồi dần dần được tam, ắt gục đầu xuống như chim cò-gục lằm. Lân-Tân ngoảnh lại chào mọi người, rồi trèo lên lưng cò gục đi, những con cò kia cũng đi dần đi theo. Từ đó, miền ấy được thoát nạn hùm beo quấy nhiễu.

38-810

HAI QUYỀN SÁCH MỸ THUẬT
BIỆT SƯƠNG HÒA (QUYỀN)
 của PHẠM VĂN HẠNH
 Ấn bản chính: 412 bản sách 45
 ■
TỘC CHI HOẠI
 của NGUYỄN TUÂN
 phụ bản in, nhiều màu sắc.
 Nguyên giá 30 đồng, nay chỉ 15 đồng.
 150 bản, sách in ít cho những người sành, gửi cho bạn bè có họ, đặc biệt của nhà văn.
 ■
LƯỢN LỬA VÀNG
 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 100, 110, 120, 130, 140, 150, 160, 170, 180, 190, 200, 210, 220, 230, 240, 250, 260, 270, 280, 290, 300, 310, 320, 330, 340, 350, 360, 370, 380, 390, 400, 410, 420, 430, 440, 450, 460, 470, 480, 490, 500, 510, 520, 530, 540, 550, 560, 570, 580, 590, 600, 610, 620, 630, 640, 650, 660, 670, 680, 690, 700, 710, 720, 730, 740, 750, 760, 770, 780, 790, 800, 810, 820, 830, 840, 850, 860, 870, 880, 890, 900, 910, 920, 930, 940, 950, 960, 970, 980, 990, 1000, 1010, 1020, 1030, 1040, 1050, 1060, 1070, 1080, 1090, 1100, 1110, 1120, 1130, 1140, 1150, 1160, 1170, 1180, 1190, 1200, 1210, 1220, 1230, 1240, 1250, 1260, 1270, 1280, 1290, 1300, 1310, 1320, 1330, 1340, 1350, 1360, 1370, 1380, 1390, 1400, 1410, 1420, 1430, 1440, 1450, 1460, 1470, 1480, 1490, 1500, 1510, 1520, 1530, 1540, 1550, 1560, 1570, 1580, 1590, 1600, 1610, 1620, 1630, 1640, 1650, 1660, 1670, 1680, 1690, 1700, 1710, 1720, 1730, 1740, 1750, 1760, 1770, 1780, 1790, 1800, 1810, 1820, 1830, 1840, 1850, 1860, 1870, 1880, 1890, 1900, 1910, 1920, 1930, 1940, 1950, 1960, 1970, 1980, 1990, 2000, 2010, 2020, 2030, 2040, 2050, 2060, 2070, 2080, 2090, 2100, 2110, 2120, 2130, 2140, 2150, 2160, 2170, 2180, 2190, 2200, 2210, 2220, 2230, 2240, 2250, 2260, 2270, 2280, 2290, 2300, 2310, 2320, 2330, 2340, 2350, 2360, 2370, 2380, 2390, 2400, 2410, 2420, 2430, 2440, 2450, 2460, 2470, 2480, 2490, 2500, 2510, 2520, 2530, 2540, 2550, 2560, 2570, 2580, 2590, 2600, 2610, 2620, 2630, 2640, 2650, 2660, 2670, 2680, 2690, 2700, 2710, 2720, 2730, 2740, 2750, 2760, 2770, 2780, 2790, 2800, 2810, 2820, 2830, 2840, 2850, 2860, 2870, 2880, 2890, 2900, 2910, 2920, 2930, 2940, 2950, 2960, 2970, 2980, 2990, 3000, 3010, 3020, 3030, 3040, 3050, 3060, 3070, 3080, 3090, 3100, 3110, 3120, 3130, 3140, 3150, 3160, 3170, 3180, 3190, 3200, 3210, 3220, 3230, 3240, 3250, 3260, 3270, 3280, 3290, 3300, 3310, 3320, 3330, 3340, 3350, 3360, 3370, 3380, 3390, 3400, 3410, 3420, 3430, 3440, 3450, 3460, 3470, 3480, 3490, 3500, 3510, 3520, 3530, 3540, 3550, 3560, 3570, 3580, 3590, 3600, 3610, 3620, 3630, 3640, 3650, 3660, 3670, 3680, 3690, 3700, 3710, 3720, 3730, 3740, 3750, 3760, 3770, 3780, 3790, 3800, 3810, 3820, 3830, 3840, 3850, 3860, 3870, 3880, 3890, 3900, 3910, 3920, 3930, 3940, 3950, 3960, 3970, 3980, 3990, 4000, 4010, 4020, 4030, 4040, 4050, 4060, 4070, 4080, 4090, 4100, 4110, 4120, 4130, 4140, 4150, 4160, 4170, 4180, 4190, 4200, 4210, 4220, 4230, 4240, 4250, 4260, 4270, 4280, 4290, 4300, 4310, 4320, 4330, 4340, 4350, 4360, 4370, 4380, 4390, 4400, 4410, 4420, 4430, 4440, 4450, 4460, 4470, 4480, 4490, 4500, 4510, 4520, 4530, 4540, 4550, 4560, 4570, 4580, 4590, 4600, 4610, 4620, 4630, 4640, 4650, 4660, 4670, 4680, 4690, 4700, 4710, 4720, 4730, 4740, 4750, 4760, 4770, 4780, 4790, 4800, 4810, 4820, 4830, 4840, 4850, 4860, 4870, 4880, 4890, 4900, 4910, 4920, 4930, 4940, 4950, 4960, 4970, 4980, 4990, 5000, 5010, 5020, 5030, 5040, 5050, 5060, 5070, 5080, 5090, 5100, 5110, 5120, 5130, 5140, 5150, 5160, 5170, 5180, 5190, 5200, 5210, 5220, 5230, 5240, 5250, 5260, 5270, 5280, 5290, 5300, 5310, 5320, 5330, 5340, 5350, 5360, 5370, 5380, 5390, 5400, 5410, 5420, 5430, 5440, 5450, 5460, 5470, 5480, 5490, 5500, 5510, 5520, 5530, 5540, 5550, 5560, 5570, 5580, 5590, 5600, 5610, 5620, 5630, 5640, 5650, 5660, 5670, 5680, 5690, 5700, 5710, 5720, 5730, 5740, 5750, 5760, 5770, 5780, 5790, 5800, 5810, 5820, 5830, 5840, 5850, 5860, 5870, 5880, 5890, 5900, 5910, 5920, 5930, 5940, 5950, 5960, 5970, 5980, 5990, 6000, 6010, 6020, 6030, 6040, 6050, 6060, 6070, 6080, 6090, 6100, 6110, 6120, 6130, 6140, 6150, 6160, 6170, 6180, 6190, 6200, 6210, 6220, 6230, 6240, 6250, 6260, 6270, 6280, 6290, 6300, 6310, 6320, 6330, 6340, 6350, 6360, 6370, 6380, 6390, 6400, 6410, 6420, 6430, 6440, 6450, 6460, 6470, 6480, 6490, 6500, 6510, 6520, 6530, 6540, 6550, 6560, 6570, 6580, 6590, 6600, 6610, 6620, 6630, 6640, 6650, 6660, 6670, 6680, 6690, 6700, 6710, 6720, 6730, 6740, 6750, 6760, 6770, 6780, 6790, 6800, 6810, 6820, 6830, 6840, 6850, 6860, 6870, 6880, 6890, 6900, 6910, 6920, 6930, 6940, 6950, 6960, 6970, 6980, 6990, 7000, 7010, 7020, 7030, 7040, 7050, 7060, 7070, 7080, 7090, 7100, 7110, 7120, 7130, 7140, 7150, 7160, 7170, 7180, 7190, 7200, 7210, 7220, 7230, 7240, 7250, 7260, 7270, 7280, 7290, 7300, 7310, 7320, 7330, 7340, 7350, 7360, 7370, 7380, 7390, 7400, 7410, 7420, 7430, 7440, 7450, 7460, 7470, 7480, 7490, 7500, 7510, 7520, 7530, 7540, 7550, 7560, 7570, 7580, 7590, 7600, 7610, 7620, 7630, 7640, 7650, 7660, 7670, 7680, 7690, 7700, 7710, 7720, 7730, 7740, 7750, 7760, 7770, 7780, 7790, 7800, 7810, 7820, 7830, 7840, 7850, 7860, 7870, 7880, 7890, 7900, 7910, 7920, 7930, 7940, 7950, 7960, 7970, 7980, 7990, 8000, 8010, 8020, 8030, 8040, 8050, 8060, 8070, 8080, 8090, 8100, 8110, 8120, 8130, 8140, 8150, 8160, 8170, 8180, 8190, 8200, 8210, 8220, 8230, 8240, 8250, 8260, 8270, 8280, 8290, 8300, 8310, 8320, 8330, 8340, 8350, 8360, 8370, 8380, 8390, 8400, 8410, 8420, 8430, 8440, 8450, 8460, 8470, 8480, 8490, 8500, 8510, 8520, 8530, 8540, 8550, 8560, 8570, 8580, 8590, 8600, 8610, 8620, 8630, 8640, 8650, 8660, 8670, 8680, 8690, 8700, 8710, 8720, 8730, 8740, 8750, 8760, 8770, 8780, 8790, 8800, 8810, 8820, 8830, 8840, 8850, 8860, 8870, 8880, 8890, 8900, 8910, 8920, 8930, 8940, 8950, 8960, 8970, 8980, 8990, 9000, 9010, 9020, 9030, 9040, 9050, 9060, 9070, 9080, 9090, 9100, 9110, 9120, 9130, 9140, 9150, 9160, 9170, 9180, 9190, 9200, 9210, 9220, 9230, 9240, 9250, 9260, 9270, 9280, 9290, 9300, 9310, 9320, 9330, 9340, 9350, 9360, 9370, 9380, 9390, 9400, 9410, 9420, 9430, 9440, 9450, 9460, 9470, 9480, 9490, 9500, 9510, 9520, 9530, 9540, 9550, 9560, 9570, 9580, 9590, 9600, 9610, 9620, 9630, 9640, 9650, 9660, 9670, 9680, 9690, 9700, 9710, 9720, 9730, 9740, 9750, 9760, 9770, 9780, 9790, 9800, 9810, 9820, 9830, 9840, 9850, 9860, 9870, 9880, 9890, 9900, 9910, 9920, 9930, 9940, 9950, 9960, 9970, 9980, 9990, 10000.

ARISTO FIXATEUR IDEAL POUR LES CHEVEUX



Nói cho thực ra, tôi muốn đi chơi là chỉ có ý tìm chỗ tiêu khiển hơn một chút để đêm đêm có thể ngủ ngon được. Ba bốn tiếng đồng hồ như chương trình tôi đã đặt ra trong đầu óc. Mai tôi sẽ dọn nhà. Ngày kia, tôi sẽ dọn nhà. Nhưng ngày ơi, ba tháng đã qua rồi mà tôi chẳng dọn đi đâu cả. Người nghiện thuốc phiện có những chuyện sống như thế đó: họ nghiện cái nơi họ hút, họ nghiện cái không khí nơi họ hút. Có người vì thế hút mấy chục học thuốc phiện ở nhà cũng chẳng ra đâu vào đâu cả, nhưng nếu cần đi đến cái tiệm quen quen họ thì một hai đồng đã say. Có người hút thuốc phiện mà không được nghe vế chữ ở bên cạnh thì không thể «đá». Có người khi hút thuốc thì nhất định thế nào cũng phải có tiếng nhạc khau ở bên tai; có người hắt hơi thì phải chú vào trong một cái hòm to tướng; lại có người gù cổ mà không được hút ở những chỗ có cu li hoặc tể, phu xe bò và đồ ăn cắp mới phết lác lác tục tị không thỏa.

Chính tôi, tôi thuộc vào hạng nghiện ở trong học, hạng nghiện cần phải nghe những lời nói phớt lác tục tị kể trên kia. Tôi không giấu rằng tôi kinh lắm nơi tôi ở; tôi cũng không dám giấu rằng nếu tôi cứ ở mãi nơi này thì tôi sẽ thành, một là thành điên, mà hai là một tên vớ vẩn, giang hồ bịp bợm; nhưng họ nghĩ đến việc dọn đi chỗ khác thì tôi lại thấy nhớ như sẽ mất một cái gì nguy hiểm lắm. Tôi sợ mất cái không khí nơi tôi ở, tôi sợ nếu không được nghe thấy những lời chửi rủa của những người ở chung quanh mà hút không đã được nghiện thì bấy giờ mới làm sao? Thật là kỳ lạ, nhưng chính là sự thật: bắt đầu từ đó, tôi quên cái buồn tôi ở quá. Tôi tưởng giá lúc đó mà ông đội xếp trường nhà bỏ học đuổi tôi đi, tôi cũng đến phải nói ngọt ngào xin ở lại. Bởi vì nhất nhất cái gì ở đó đối với tôi cũng thật một, êm dịu và có khi đẹp nữa: bên bức tường âm khói nước đen hàng ngày mờ mờ; cái cửa sổ con che cái màn đang ten màu nước dứa; bộ ghế đẩu gỗ ngựa một cặp nhiều như trâu; cái chĩnh đồng không có vẽ học ngoài; bộ ấm chén chén bên quanh sầm

hay là hồi-ký của một người đã nghiện và đã cai thuốc phiện

— của VŨ-BANG —
(xem từ số 138)

đồng vật có linh hồn mà lúc đến thanh cảnh vắng có thể quay quần lại để chia vui sẽ buồn cùng tôi vậy. Tôi quý chúng như hai cái đồng tử của tôi và tôi tưởng nếu không có chúng ở trong cái khung cảnh này tôi có thể ốm o dần mà chết. Tôi nghiện thuốc phiện và tôi nghiện cả không khí vậy. Dần dần, những tiếng âm T, những tiếng khốc than, những tiếng chữ rủa dạy nghiện ở chung quanh, tôi với tôi, có một cái thú vị riêng tôi với chúng gần như thành một. Nếu chúng có như thế mà đêm tôi lại ngủ được nữa thì là hoàn toàn đó.

À thay, khi không chiều tôi đến này. Hàng đêm, mắt tôi cứ trong ra. Tôi uống thuốc ngủ, tôi ăn nhai xen và sấm-bào-lương và lách. Không ngủ được đã thành một bệnh. Bã có cái bệnh ấy, thành ra buồn lại càng nhiều hơn, tôi gần như hỏng óc. Sáng sáng, thức giấc tôi thấy chân tôi mềm lại và dần tôi hoang mang. Có khi hai mắt nhìn rõ ràng cái tiêm mà sờ vào thì lại hóa ra là cái tâm; có khi định nhìn trong bụng là mình bước lên bậc cửa thì té ra lồm cồm xuống vũng; có khi tưởng mình chưa ngủ dậy thì té ra mình đã ngồi ở trên giường từ bao giờ rồi. Tôi bắt đầu hơi hiểu tại sao những người điên đại «lô» là thần thể mà đi ngoài phố lại không biết xấu, treo lên mái nhà đi chơi mà lại cứ có thể nhe răng ra cười, ôm lấy người thân thích mà khóc rồi lại cười như tái nước... Những người khôn ngoan càng họ hét, chửi rủa và vắn động thì náo nức càng bị kích thích, và càng không ngủ được thì bệnh lại càng nặng lên. Tôi rất miệt mài, nghĩ đến những người điên «xé quần xé áo ở trong chuồng sắt nhà thương Bão-hoà và những người hóa điên si ngồi ngắm mặt ra cá ngày như phượng, không biết mình ăn, mình uống hay mình đi đại tiện. Một niềm thất vọng gần gần đến xâm chiếm hồn tôi. Tôi nhớ do đêm tôi bước chân ở trong đám sương mù, sự ấy. Thế rồi

tôi không thể giữ thể quân bình của thần thể được. Lão đạo ngã ra ở trong đồng-chân trên giường. Miếng tôi kho như hòn ngói. Đầu tôi hăm hắp. Lòng bàn tay và gan bàn chân tôi ướt sũng những mồ hôi. Tôi nằm vật xuống, nhìn ra chung quanh và có cảm giác rằng cái chết đã dần dần từ bên chân lên đến bụng. Vì có muốn uống chén nước, tôi cũng không dám nữa, bởi vì muốn uống thì phải dậy, mà dậy thì ngà trên sàn gạch mát: tên tôi tiêm của tôi bao giờ cũng đi làm việc từ tỉnh sương.

Ấy, chính vào giữa lúc đó thì có một người đến gõ cửa buồng tôi — một người tôi sợ hơn bệnh dịch đó là thằng Rô. Thằng Rô là thằng loang toang của nhà báo Trung Bắc, sáng nào cũng phải đi nhặt những phóng viên và trợ bút của báo đến để viết bài và lấy tin. Nguyễn hồi đó, các báo hàng ngày ở đây bắt đầu cạnh tranh nhau từng li từng tí. Báo nào cũng muốn hoạt động (hay là vì hoạt động) nên thi nhau mần ăn cướp thời giờ. Báo Trung Bắc không chịu kém các báo đồng nghiệp (mà có khi lại hăng hơn là khác) ra một cái lễ mời là mỗi buổi sáng nhân viên tòa soạn phải có đủ mặt từ bảy giờ rưỡi sáng. Nghiêm lắm. Nhưng chẳng có một người nào theo cả. Bởi vì tòa soạn, có độ bảy người thì vốn vốn chỉ có hai người tể, nghĩa là không hút, (nhưng lại mắc hạn chuyện về cơm) còn năm người sặc lại thì «nghiện» «oạt sả lại» cả, mà tôi và Ngọc Thổ là hai cái tiêm «biểu» «nêu thế» nhất. Thành ra chính nhà báo muốn hoạt động thì được hoạt động ngay: tự nhiên ở đây loang toang phải làm thêm việc: việc đi danh-thức các ông phóng viên và trợ bút. Đồng thời, bác tài xế cũng hoạt động hơn. Đàng lẽ mọi khi, vào giờ đó thì được ngồi khểnh ở nhà, bây giờ bác phải vắn ở đó mà trời đi gần khắp thành phố Hanoi (tất cả những ông phóng viên và trợ bút mất hay còn «ngại» ngủ, miêng hay còn ngạo sếch, đem về lén soạn để cho mà làm việc! Là một nạn nhân «bi» đánh thức — tuy đêm không ngủ — mỗi sáng

cứ thấy thằng Rô đến, tôi lại thấy rớt mình thon thoát. Không đi ngay không được! Thế là dù đang mệt sắp chết, dù thờ chẳng ra, tôi cũng bị thằng Rô mệc quần áo cho, đi giày cho rồi bế lên đặt vào ô-tô, thẳng tiến về tòa soạn. Chà chà, cái tòa soạn mới hoạt động đây. Năm bộ máy bằng da bằng thịt đều lác đàu mà không nói: bắt thần khôn tả! Bàn, tất cả cũng khấn cả mặt lại mà làm việc đó một tiếng đồng hồ. Xong đâu đó cả rồi, tán chuyện. Anh này kể lại một chuyện là đùng qua vừa xảy ra ở tiệm François; anh kia xuống lên một vấn đề «có nên đánh thuế những tiêm hút nặng hơn lên một chút»; anh họ về lại cho anh em trông thấy một nhân vật là ở tiệm thuốc cũ phố Bưởi; một ông nghiện ham thuốc phiện lắm... ôi xanh và măm tòm!

Tôi, vốn hút ở nhà, không có chuyện gì lạ cả, đem vấn đề «không ngủ được» ra chất chính anh em. Lập tức, có bao nhiêu người ở tòa soạn mệc cho tôi bấy nhiêu môn thuốc. Vâng tôi họ, tôi đem ra thực hành tuốt tuốt: môn thuốc nào tôi cũng dùng và môn thuốc nào cũng có một kết quả y như nhau cả: tôi vẫn không ngủ được.

«Không ngủ được» đối với tôi hẳn như thành một bệnh nan y thì tự nhiên ở đầu một người ban xa đến mang cho tôi một liều thuốc ngủ hơi kỳ quặc.

XI

Người bạn đó là Quốc-Tử, Nguyễn Quốc-Tử.

Nguyễn Quốc-Tử là một du học sinh đã ở Pháp sáu năm và thường khoe đã «sang tận Thụy-sĩ dự những cuộc thi quốc tế — không phải về khoa học, không phải về văn chương mà cũng không phải về điền kinh! — những cuộc thi quốc tế về đi ski trên tuyết! Chắc các bạn đọc cũng đã biết chơi ski là thế nào rồi đấy nhỉ. Người ta bện những cái áo chên vào mình, đem một đôi guốc có bánh xe

HÃY ĐỌC:

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

(một tác phẩm đặc biệt trong «Tủ sách triết học» Tân Việt-Hanoi)

Lập đầu tiên một triết học về cùng sâu rộng — một triết học mà những tên kinh điển đã tìm thấy ra trong các nước gần lại in hơn một nghìn cuốn sách mục-lục — được đưa ra quốc văn do một học giả «mong tiếng phạn», đã từng ở trường Cao đẳng Hán học Paris và đã «biên tập Cao đẳng triết học» trong Số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 951, 952, 953, 954, 955, 956, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000, 1001, 1002, 1003, 1004, 1005, 1006, 1007, 1008, 1009, 1010, 1011, 1012, 1013, 1014, 1015, 1016, 1017, 1018, 1019, 1020, 1021, 1022, 1023, 1024, 1025, 1026, 1027, 1028, 1029, 1030, 1031, 1032, 1033, 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, 1039, 1040, 1041, 1042, 1043, 1044, 1045, 1046, 1047, 1048, 1049, 1050, 1051, 1052, 1053, 1054, 1055, 1056, 1057, 1058, 1059, 1060, 1061, 1062, 1063, 1064, 1065, 1066, 1067, 1068, 1069, 1070, 1071, 1072, 1073, 1074, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084, 1085, 1086, 1087, 1088, 1089, 1090, 1091, 1092, 1093, 1094, 1095, 1096, 1097, 1098, 1099, 1100, 1101, 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1107, 1108, 1109, 1110, 1111, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 1120, 1121, 1122, 1123, 1124, 1125, 1126, 1127, 1128, 1129, 1130, 1131, 1132, 1133, 1134, 1135, 1136, 1137, 1138, 1139, 1140, 1141, 1142, 1143, 1144, 1145, 1146, 1147, 1148, 1149, 1150, 1151, 1152, 1153, 1154, 1155, 1156, 1157, 1158, 1159, 1160, 1161, 1162, 1163, 1164, 1165, 1166, 1167, 1168, 1169, 1170, 1171, 1172, 1173, 1174, 1175, 1176, 1177, 1178, 1179, 1180, 1181, 1182, 1183, 1184, 1185, 1186, 1187, 1188, 1189, 1190, 1191, 1192, 1193, 1194, 1195, 1196, 1197, 1198, 1199, 1200, 1201, 1202, 1203, 1204, 1205, 1206, 1207, 1208, 1209, 1210, 1211, 1212, 1213, 1214, 1215, 1216, 1217, 1218, 1219, 1220, 1221, 1222, 1223, 1224, 1225, 1226, 1227, 1228, 1229, 1230, 1231, 1232, 1233, 1234, 1235, 1236, 1237, 1238, 1239, 1240, 1241, 1242, 1243, 1244, 1245, 1246, 1247, 1248, 1249, 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1256, 1257, 1258, 1259, 1260, 1261, 1262, 1263, 1264, 1265, 1266, 1267, 1268, 1269, 1270, 1271, 1272, 1273, 1274, 1275, 1276, 1277, 1278, 1279, 1280, 1281, 1282, 1283, 1284, 1285, 1286, 1287, 1288, 1289, 1290, 1291, 1292, 1293, 1294, 1295, 1296, 1297, 1298, 1299, 1300, 1301, 1302, 1303, 1304, 1305, 1306, 1307, 1308, 1309, 1310, 1311, 1312, 1313, 1314, 1315, 1316, 1317, 1318, 1319, 1320, 1321, 1322, 1323, 1324, 1325, 1326, 1327, 1328, 1329, 1330, 1331, 1332, 1333, 1334, 1335, 1336, 1337, 1338, 1339, 1340, 1341, 1342, 1343, 1344, 1345, 1346, 1347, 1348, 1349, 1350, 1351, 1352, 1353, 1354, 1355, 1356, 1357, 1358, 1359, 1360, 1361, 1362, 1363, 1364, 1365, 1366, 1367, 1368, 1369, 1370, 1371, 1372, 1373, 1374, 1375, 1376, 1377, 1378, 1379, 1380, 1381, 1382, 1383, 1384, 1385, 1386, 1387, 1388, 1389, 1390, 1391, 1392, 1393, 1394, 1395, 1396, 1397, 1398, 1399, 1400, 1401, 1402, 1403, 1404, 1405, 1406, 1407, 1408, 1409, 1410, 1411, 1412, 1413, 1414, 1415, 1416, 1417, 1418, 1419, 1420, 1421, 1422, 1423, 1424, 1425, 1426, 1427, 1428, 1429, 1430, 1431, 1432, 1433, 1434, 1435, 1436, 1437, 1438, 1439, 1440, 1441, 1442, 1443, 1444, 1445, 1446, 1447, 1448, 1449, 1450, 1451, 1452, 1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1459, 1460, 1461, 1462, 1463, 1464, 1465, 1466, 1467, 1468, 1469, 1470, 1471, 1472, 1473, 1474, 1475, 1476, 1477, 1478, 1479, 1480, 1481, 1482, 1483, 1484, 1485, 1486, 1487, 1488, 1489, 1490, 1491, 1492, 1493, 1494, 1495, 1496, 1497, 1498, 1499, 1500, 1501, 1502, 1503, 1504, 1505, 1506, 1507, 1508, 1509, 1510, 1511, 1512, 1513, 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, 1520, 1521, 1522, 1523, 1524, 1525, 1526, 1527, 1528, 1529, 1530, 1531, 1532, 1533, 1534, 1535, 1536, 1537, 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1543, 1544, 1545, 1546, 1547, 1548, 1549, 1550, 1551, 1552, 1553, 1554, 1555, 1556, 1557, 1558, 1559, 1560, 1561, 1562, 1563, 1564, 1565, 1566, 1567, 1568, 1569, 1570, 1571, 1572, 1573, 1574, 1575, 1576, 1577, 1578, 1579, 1580, 1581, 1582, 1583, 1584, 1585, 1586, 1587, 1588, 1589, 1590, 1591, 1592, 1593, 1594, 1595, 1596, 1597, 1598, 1599, 1600, 1601, 1602, 1603, 1604, 1605, 1606, 1607, 1608, 1609, 1610, 1611, 1612, 1613, 1614, 1615, 1616, 1617, 1618, 1619, 1620, 1621, 1622, 1623, 1624, 1625, 1626, 1627, 1628, 1629, 1630, 1631, 1632, 1633, 1634, 1635, 1636, 1637, 1638, 1639, 1640, 1641, 1642, 1643, 1644, 1645, 1646, 1647, 1648, 1649, 1650, 1651, 1652, 1653, 1654, 1655, 1656, 1657, 1658, 1659, 1660, 1661, 1662, 1663, 1664, 1665, 1666, 1667, 1668, 1669, 1670, 1671, 1672, 1673, 1674, 1675, 1676, 1677, 1678, 1679, 1680, 1681, 1682, 1683, 1684, 1685, 1686, 1687, 1688, 1689, 1690, 1691, 1692, 1693, 1694, 1695, 1696, 1697, 1698, 1699, 1700, 1701, 1702, 1703, 1704, 1705, 1706, 1707, 1708, 1709, 1710, 1711, 1712, 1713, 1714, 1715, 1716, 1717, 1718, 1719, 1720, 1721, 1722, 1723, 1724, 1725, 1726, 1727, 1728, 1729, 1730, 1731, 1732, 1733, 1734, 1735, 1736, 1737, 1738, 1739, 1740, 1741, 1742, 1743, 1744, 1745, 1746, 1747, 1748, 1749, 1750, 1751, 1752, 1753, 1754, 1755, 1756, 1757, 1758, 1759, 1760, 1761, 1762, 1763, 1764, 1765, 1766, 1767, 1768, 1769, 1770, 1771, 1772, 1773, 1774, 1775, 1776, 1777, 1778, 1779, 1780, 1781, 1

gọi là patins vào chân rồi lướt trên mặt tuyết. Trong những cuộc thi ski như thế, đôi nào vào cặp ấy lướt trên mặt tuyết mà không ngã, lại đáng được đưa vào làm cho những người đi xem được đẹp mắt là đôi ấy được.

Nguyễn Quốc-Tử hình như đã có lần được bầu nhất trong một cuộc thi ski quốc tế. Được như thế, dù mình không trông thấy, mình cũng có thể đoán được là anh chàng ta chơi hay có thể lắm, nhưng... có tại mà cây chi tại. . . Đi trên tuyết không ngã chẳng mấy lúc đã thành ra

một thiên tình sử hai của anh ta. Ấy cũng bởi thế anh ta mất cái thói quen đi văng vãng trên mặt đất cứng như con cá của André Dahl mất cái tên tình bơ dưới nước. Nguyễn André Bah có thuật chuyện - thật hay mà không cần - hồi còn 1 tuổi, ông có lọt được một con cá rất to ở dưới sông Seine. Bên đem ngay về nhà nuôi và giã cho con cá ấy "ông" ở trên mặt đất như bề một con chó vậy. Đâu ông ta cũng rất cá đi chơi và có khi không phải huơ gậy, cứ việc huýt còi gọi, nó cũng biết mà đi theo lên liền. Bắt ngờ một hôm kia, nhà

văn sĩ trào phúng đi đến một cái cầu, mà ác hạ, cái cầu ấy lại hồng một cái lỗ to bằng cái nia. Tôi nghiệp, không hiểu mãi nhìn mãi nhìn gió thổi nào, con cá của ông rơi hồm xuống cái lỗ hồng kia và chết. Mà các ngài có biết con cá ấy chết vì chứng gì không? - Chết đuối!

Tôi không dám có cái ý tưởng ngông cuồng - nếu không muốn nói là sặc lảo - vì Nguyễn Quốc-Tử với con cá của André Dahl, nhưng tôi thâm tâm tôi thì tôi thấy anh cũng mất cái thói quen đi trên đường đời như con cá mất

cái thiên tính bơi dưới nước. Mất cái thiên tính bơi dưới nước, con cá mới khi ngã xuống nước thì chết ngộp, còn "nguyên Quốc-Tử" đã quen đi trên tuyết không ngã, thì đến khi bước trên đường đời cứ ngã "lăn cù lèo". Anh ngã không cần đầu lên được Về nước anh đóng làm việc gì là hồng việc ấy. Có khi tại hại là khác nữa. Thí dụ, cái việc săn cùng của anh là việc mở ty rượu ở Hà Đông: bà cụ thân sinh bỏ ra cho anh mấy nghìn bạc để kỷ quỹ, và thuê nhà, làm vốn. Chỉ trong có hai tháng

anh tiêu xài hết đi hết cả. Đến khi bà cụ sang xem sổ, hỏi tiền đâu thì anh ngủ gù ng" gặt mà thủ tội một cách rất hùng hăng "tiền nó chôn mất cả vào nhà có rượu rồi".

Ồi chào ôi bà cụ mới giận lắm sao! mới giận lắm sao! là không tiếc lời "chửi rủa. Không cần ai giấy học tu. Và anh cho rằng đời xử xử anh. Anh là một con bênh thần từ nhất sinh của cái bênh thời đại vậy.

Một buổi tối kia, gần lúc không ai ngờ nhất, anh về một cái và ly to bằng cái mồi tôm giởng ghê ngủ, kèm một cái đàn banjo nặng đến hơn mười cân im đến nhà tôi mà hét lên từ dưới sân:

— Bàng ơi! Ở Bàng!

Vừa mới thấy tôi đi đâu ra, anh hát ầm lên bài "à printemps, ô doux printemps" rồi treo bả mười một bực hang gach lên trên buồng lồi ở. Vụt một cái tiếng hát trong miệng anh tái lặn. Khóc thay! Một về đưa ma về lên cái mà phép pháp của anh. Anh rũ xuống như một cây cỏ thụ bị đả gốc và nói rất thê thảm - tuy là anh chưa hề bị ai đuổi cả, tuy là mẹ anh vẫn yêu mến thương số anh như thương: — Anh ơi, em chết mất. Mẹ em không thương em, đuổi em đi... Em đi tự tử. Em sẽ đi tự tử!

Nhưng hiện giờ chưa biết cách tự tử nào lịch sự và đặc biệt hơn những cách tự tử hàng ngày của thế nhân, em nghĩ chỉ còn cách là đến đây ở với anh để chúng ta cùng nhau nghĩ một "chương trình hành động".

Thoạt đầu tôi không tin lời Nguyễn Quốc-Tử mới chửi náo, nhưng sau thấy anh thì bần sống bần chết và quăng và ly và banjo xuống sân gạch, tôi mới bắt đầu nghĩ nghĩ. . . Thì ra câu chuyện của Quốc-Tử cũng có đôi ba phần sự thực: anh bỏ nhà đi, nhưng không phải vì mẹ đuổi, song chính vì anh thấy anh "lạc lõng" (1) chính vì anh chán già đi lạc vậy.

Về đến nước nhà, thấy đại đa số thanh niên ở bên "ngoại" tập nhảm cái văn minh Tây Âu nhảy đầm, uống rượu khai vị và bỏ gái để chơi cho sung sướng không cần để con anh đã có một lúc trong mình là "những người dân hợp thời" nhưng sau tiếp xúc với "gia đình anh mới ngã ngửa người ra mà chán bết. Từ trường của Gide bấy giờ đương thịnh, người ta xem Gide không biết đến để sáu, a cũng có thể đọc lâu được câu "ô famille, je te haie" - Ôi gia đình, ta ghét mi", Nguyễn Quốc-Tử chính là một thanh niên trong số đó - nghĩa là cũng có những tâm trạng gần giống như tôi vậy. Có nhiên Kiên Thúc ở Minh Lộc phải mở cửa tiếp Bà lý Hết Nhưng Bà lý Hết ngày xưa tìm Kiên Thúc là để mời Kiên Thúc về giúp Tân mục Công giữ việc quyền chính cho nước, chứ Nguyễn Quốc-Tử thì tìm để đòi hỏi chỉ có một mục đích là mặt xát cái chế độ thối: xã hội lúc bấy giờ mà thối.

— Anh ơi, em đã nghĩ kỹ lắm rồi. Nước ta tiếp xúc với các nước Tây Âu, nên tôi cũng đã ngót một trăm năm nay rồi, chẳng còn gì ở lại. Riêng rằng các nhà báo nhà văn như Dương bá

Người Đông-Pháp hãy sẵn lòng lấy các thức minh cần và tiêu thụ những sản phẩm của Đông-Pháp

Trạc Hoàng tăng Bì, Nguyễn hữu Tiến, Nguyễn trọng Thuật vào cứ nói xa xả rằng vận hội mới mang, duy tân cảnh tình, nhưng bước ra đường ta vẫn thấy những người dân bà tùm lụp cái khăn vuông và mặc quần không dám để hở đùi; những thanh niên mới có một tí tuổi đầu mà chung quanh đã neo nhóc con hồng con hồng; những người đàn ông bỏ bỏ mồ mả là nói đến nhà, nghĩa, lễ, từ, tín và Khổng tử là một người hiền nước Lỗ chỉ tưng "đàn ông và đàn bà không được ngồi gần nhau". Vậy thì bốn phần cấp bách của chúng ta bây giờ phải thế nào? Phải cố đóng làm sao cho quốc dân bết lấy chủ nghĩa của nhân mà hiểu nghĩa từ đó, nghĩa là ra một tờ báo hay viết những cuốn sách "trào phúng" to cho dân gian thấy rằng: bực nước là việc của con sen thì hồng nó mà bà chủ thì phải là một bông hoa đỏ to để mìn những văn chương khách sáo; rằng nước mới văn minh không phải chỉ vì nền văn hóa và văn học của nước đó nhưng còn vì người dân biết viết máy xe hơi, đi ngựa ở những nhà bảy mươi hai tầng; rằng tam tưng, tứ đức của người đàn bà phương đông không hợp thời nữa, ta cần phải cho họ giao thiệp với dân ông cho mạnh dạn, cho họ hát thuốc lá ở ngoài đường và cư ỉ vang, cho họ quyền phổ thông đầu phiếu (1).

(Ký sau đầu tiên)

VŨ BẢNG

1) depagge.

Nhà sản xuất lớn các thứ áo-đội (PULLOVERS, CHEMISETTES, SLIPS, MA LLOTS V.V...) chỉ có

HÀNG DỆT PHÚC-LAI

47-49, Route de Haie (Hanoi) - Bán buôn và bán lẻ. Pháp Đông Pháp ao tốt Đông dậu sinh lĩp

Nhờ đòi mua tại nhà, có thể mua sách lớn hai cuốn sách mới rất giá trị

1) Tráng sĩ vô danh

phần 1 và 2 viết theo tài liệu của sự Nghĩa Giáp

Càng nước (Chợ Vương) lên ao này ra cuối đời nhà Trần do Bà Bà hy cấn dân. Một là: hiện tại giá cho hết tài liệu người Việt Nam muốn nhìn lại những dấu vết anh liệt của Quốc-Tử. Lại do Hải Phòng gửi hơn 10 phần tài liệu thuyết minh từng viết. Cái giá trị thực "à công" sách là rất công phu. 60 trang. Đặc biệt 1240 (số công phu).

2) Một thời oanh liệt

những lý về giáo. Theo ở các TRẦN-VĂN KHÁI rồi ly ly bị người động vào trong. 1000

Cần đại-lý thuốc Nhật từng tình, PHÙ, HUYỀN, CHÂU QUÂN

xin biên thư về thương lượng ngay với hãng chính: n° 2 rue des Medicaments, Hanoi (M. Đức Thắng) điều kiện rõ ràng - không phải ký quỹ - bán ngay nhiều lời

A CHÂU XUẤT BẢN

17 Emilio Baily Hanoi Téléphone 1200

Một chút địa-dư và lịch-sử về xứ Tây-Tạng

(Tiếp theo trang 4)

Con sông lớn nhất ở Tây-tạng là sông Yarou-Dzangbo (àu dịch là sông Nhả-lỗ Tang-bô) rồi đến các sông Indus, Sa'ouen, Sattedj...

Sản vật Tây-tạng là cừu và mỗ.

Nhất là mỗ. Tới nay các mỗ chưa khai-khân, nhưng hình như Tây-tạng là một xứ rất phồn-phù về khoáng-chất. Trên giải núi Côn-luân và trên cao-nguyên Khatchi — ở mạn bắc, chỗ nào cũng có vàng. Tại miền Sorgak ở đông nam thành Kéria, có nhiều mỏ vàng lớn. Tại miền tây, dãy Sarthol mang danh là « xứ vàng » bán vàng sang Ấn-độ, như ta bán gạo vậy. Va tất cả các sông ngòi ở miền đông đều có vàng lẫn trong cát phù-sa, thổ-dân thường ra vệ sông lấy cát lấy vàng làm kế sinh sống. Nhưng mỗ than hi với nay người ta hay rút li. Kni-hầu khe-khải quả, khi rơi kho-rơ qua, nên cây cối hoa quả và ngũ cốc không mọc được, nghề trồng — trọt không thể khuếch-trương.

Đã không thể trồng vào nghề nông mà sông, đến kỳ ngập lại càng chống ra gì.

Quanh đi quẩn lại, chỉ có một mô tiểu công-ngệ, dệt-loại như nghề xe sợi len, dệt dạ nỉ, dệt tơ lụa cho các dân chửa, chế hương nến để dùng vào việc thờ cúng, làm các đồ trang-sức bằng vàng, bạc, làm khỉ-giới v. v...

Tây-tạng phải mua ở ngoài vào hầu hết mọi thứ. Mua của Trung-hoa chế lâu, tơ lụa, thềm, đồ sắt. Mua của Mông-cổ: da, gien ngựa, ngựa. Mua của Ấn-độ: gạo, thuốc lá, quần áo, lụa, chàm, đường, đồ gia-vi, và các đồ vật chế-hóa.

Và bán ra ngoài: vải lớn, sa-hương, vàng, bạc, muối mỏ, da thú có lông, các thứ thuốc.

Không kể những dân du-mục ở cao-nguyên Katchi, là những giống Kalmouk ở phía đông, giống Hắc thuốc Thổ-hĩ-kỳ ở phía tây, không kể những dân Miên-đạo, Lo-lo ở miền

Đông-Tạng và những kiều dân người Trung-hoa (người dân bà Trung-hoa không được phép được chân vào xứ Tây-tạng) dân cư ở Tây-tạng là dân Thibétain, người rất lực lưỡng khỏe mạnh nhưng hơi thấp, từ thời ban đầu ten dai lễ-thể, trong lối thêm những lần da thỏ có lông, để chống với giá rét, cần thì đi giày cũng bằng nỉ. Tục họ một người dân bà có thể ấy một lúc năm ba chồng. Tôn giáo cũ là Tôn-giáo bon-pa tức thần gao tuy vẫn còn, song thịnh-hành hơn hết là Phật-giáo. Phật-giáo mạnh đến nỗi giáo chủ là Đạt-lai Lama ngự ở tòa-hành Lhasa nắm đủ quyền chính-trị khắp nước. Còn tăng-lữ Tây-tạng thì rất đông.

Trước kia, Tây-tạng vẫn là một nước tự-lập, nhiều khi cũng tỏ ra rất hùng cường. Về thế-kỷ thứ 14, 15, nước ấy mấy lần bị quân Mông-cổ xâm-lược, nhưng sau lại quật cường lên dần dần được lại.

Năm 1720, vua Khang-Hi nhà Thanh bắt đầu sai quân đi chinh phục Tây-tạng. Mãi đến năm 1757, xứ ấy mới chịu thần-phục Thanh triều. Danh thì là một nước phiên-thuộc Trung-hoa, mà thực thì Tây-tạng vẫn là một nước tự-chủ, nắm đủ quyền cai-trị và tôn-giáo trong nước.

Tây-tạng cũng có một quân đội tuy không đông, nhưng cũng mạnh mẽ gồm-ghe, vì gồm toàn những người ngoại quốc như Mãn-Thanh, Mông-cổ, Thổ-nhĩ kỳ. Còn dân trai-trưởng bản-thổ thì phải sung vào một đội quân riêng là đội vệ-binh.

Chức Hoại-Phật Đạt-lai La-ma đặt ra từ thế kỷ thứ 14, 15, thành Lhasa đặt làm tỉnh Phái cũng từ hồi ấy.

Trước kia, từ năm 1624 đến năm 1670, tại tỉnh Phái vẫn có những giáo-sĩ đạo Cla-tô ra vào lui tới và sống luôn ở đó để truyền-giáo.

Nhưng từ năm 1670 trở đi, sau khi các giáo

sĩ Gio tả bị trục-xuất thì Lhasa trở nên như một túc cấm thành, người Âu Mỹ cấm không ai được bên mảng tới.

Nhiều nhà thám-hiêm trừ-danh như Bonva-jot, hoang-thân Orléans, Dutreuil de Retms... đã lấy làm tiếc không được phép đặt chân vào đất của Hoại-Phật.

Nhưng năm 1904, một đạo binh Anh xông mãi tới Lhasa, không có lệnh cấm vào đâu cả. Nhân cuộc hanh-bình do, chánh phủ Tây-tạng, tức là Hoại-phật, Đạt-lai La-ma, ông vua oai quyền của Tây-tạng, phải ký hiệp-tước với nước Anh, cam — kết rằng không được nhượng một mảnh đất nào ở Tây-tạng cho một nước thứ ba, các việc công-lạc và chánh-phủ Tây-tạng cũng không bao giờ được đặt dưới quyền kiểm-sát của một nước thứ ba nào khác. Từ đó, ảnh hưởng nước Anh mỗi ngày một bành-trướng, một vùng-vang lại Tây-tạng.

Rồi đến năm 1910, Hoại-Phật Tây-tạng (tức là vua xứ ấy) nổi lên đánh nước Trung-hoa. Bị thua, Hoại-Phật phải lánh sang Ấn độ. Năm 1911, Trung-hoa dân-quốc thành-lập, Hoại-Phật liền trở về Tây-tạng và tuyên-bố thoát-tự quyền độc-hố Trung-hoa. Trung-hoa không chịu công nhận điều đó, nhưng phải cho Tây-tạng tự-trị.

Điều đó thật không quan-hệ gì vì từ trước đến giờ, tiếng rằng thuộc quyền độc-hố Trung-hoa, nhưng Tây-tạng vẫn hoàn-loạn tự-trị.

Điều mà người ta nhận thấy rõ ràng là thoát-tự quyền độc-hố Trung-hoa, Tây-tạng lại thuộc quyền độc-hố Anh mà không biết.

Tại tỉnh Phái Lhasa, có lính Anh đóng cạnh quân trú trú người Anh. Quân đội Tây-tạng đều an bản theo lối người Anh và do người Anh chỉ-hức.

Du-khách đi từ Trung-hoa xuống hay từ Ấn-độ lên, đều phải xin giấy phép của tòa lãnh-tự Anh mới vượt qua biên-giới Tây-tạng được.

Tới nay lệnh cấm người Âu Mỹ lọt vào tỉnh Phái Lhasa vẫn nghiêm-mật như xưa, có lẽ cũng là do người Anh ủng-hộ. Lệnh cấm nghiêm khắc đến nỗi một nữ sĩ Pháp là bà Alexandra David Néeł hi 1924-1925 đã phải tra-hình làm người ăn may Tây-tạng, lần vào đám thiện nam tín nữ thập-phương mới lên trạm được vào giang-sơn Hoại-Phật.

LÊ VĂN HỒE

HỘI TRUYỀN-BA QUỐC-NGŨ phải không gây-bất sách vở. dạy không cho đông-bào thất học. Bần phận thanh-niên trí thức là phải giúp hội đi theo tôn chỉ ấy.

CÁC GIA-ĐÌNH NỀN LŨNG THUỐC: Điền - Nguyễn

- 1) Thuộc đạo dạy dầy Đ. Nguyễn
- 2) Thuộc họ g. Đ. Nguyễn
- 3) Thuộc họ lao. Đ. Nguyễn
- 4) Thuộc họ th. Đ. Nguyễn
- 5) Thuộc họ h. Đ. Nguyễn
- 6) Thuộc cam t. Đ. Nguyễn
- 7) Thuộc cam s. Đ. Nguyễn

Tổng-cục : 125 Hàng Bông, Hanoi
Đạt-lý Đức-thắng, Mai-Hinh, Nam-tiến Saigon
Nam-cường : Mỹ-tho, Vinh-hưng : Vientiane

HỘI CÁC NHÀ THỂ THAO Ở ĐÔNG - PHÁP

KHI CẦN ĐẾN : bóng tròn, bóng rổ v. v. , sáo nhảy, cờ, lau, đĩa để ném túi hương đạo sinh và các đồ dùng trong bài tập... — Xin gửi thư về :

THU - THUẬN 57, Rue des Teinturiers, Hanoi

Hàng làm cần thân — Giá tính phải chăng — Mua nhiều tính giá riêng

SÁCH ĐỜI MỚI

MUỐN HỌ GIỚI GIỚI ĐƯỢC	HAI TÂM - HỒN (số 1)
giáo dục của Thái - Phi	Đầu thuốc) của Lê-văn
200 trang ... 1500	Trương ... 1500
THANH - NIÊN KHỎE (các	NGƯỜI MÊ TỎ-LỘI của L.
thể dục 48 giờ mỗi) của	Việt-Trương (in làm ba
Đ. Nguyễn (20) trang	cuốn) mỗi cuốn ... 1500
200 trang ... 1500	KẾ ĐẾN SAU của L. và
GIỚI MẮT SAU CÙNG (trên	T. trong cơn lâm hải cuộc
thực - sự của Phan-trần	một cuốn. ... 1500
Chức ... 1500	NGƯỜI ĐÀN BÀ CỎ L. và
TRUYỀN HỌC SINH của L.	Trương ... 600
Việt-Trương, Thái - Phi,	GIỚI TRƯỞNG MẮT ĐAU TIỀN
Phan-trần - Chức, Phạm-	của Lê-văn Trương. 1500
Công-Công, Micro v. v. ... 1500	LỖ MỘT RIẾP NGƯỜI của
Đ. Nguyễn - Đ. Nguyễn - Đ. Nguyễn	L. và Trương ... 1500

nhà xuất-bản Đời Mới 62 hàng Cột Hanoi. 1928

Ở một đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và lương-thiện thì chỉ có cách là: MUA VÉ XỔ SỐ ĐÔNG-PHÁP

Côi là người Bắc

TRUYỆN DÀI CỦA VU XUÂN TỰ

(Tiếp theo)

Hai người đứng ngoài xông vào can không được. Chỉ thấy bần ăn. Chàng nhẩy phắt ra, gạ bắt người chồng ra. Bại giờ, anh nộ mạt tạt gông, lao đao suy nghĩ. Nỗ lực, tấn liên sừng-sổ quần gây sự với Côi:

— Việc nhà tôi có mắc-mở gì anh, mà anh can thiệp vào?

Cau lông mày, Chi đáp:

— Anh không có quyền đánh mãi một người đã khép phục anh, nhất người ấy, lại là một người đàn bà!

— Nhưng người ấy là vợ tôi!

— Anh nhầm. Cứ tưởng hồ là vợ anh, anh muốn làm gì cũng được sao?

Rõ ràng, người chồng gan cổ:

— Chứ sao! Tôi đánh vợ tôi đó!

Chi nghiêm nghị nét mặt lại:

— Có cau-dâm, anh đánh ngay nửa tôi xem?

Nghe giọng cương quyết của Chi, anh chững chặc lại, không dám gây sự nữa, và chưa biết tìm cách nào tháo lui cho khỏi bề mặt.

Ngay khi ấy, người vợ đã đứng dậy, vẫn lại câu tóc xông vào bênh chồng, bảo Chi:

— Thấy can gián, nhưng lại sỗ mạnh người ta như thế, ai không giận!

Chi hơi ngạc nhiên về cử-

chỉ người vợ. Rồi biết mình lúc này đã quá tay, chàng đầu độ:

— Cái đó, tôi cũng không phải...

Và quay sang người chồng:

— Tại bác nóng nảy quá, làm tôi cũng nóng lây. Hối chúng ta xử hòa.

Lời nói nhún-nhún và vui-vẻ của Chi, khiến người chồng nguôi giận ngay.

Chi lại nói:

— Cùng bạn giai cả, vợ con có điều gì không phải, chúng mình nên đồng cửa dạy bảo, chứ to tiếng dè mồm giềng chế cười... Hơn nữa, chúng mình lại là người Bắc vào làm ăn trong này, càng nên giữ gìn cái thanh-danh của người Bắc lắm.

Cầm-động trước những lời khuyên thanh-thực của người đàn-xứ, người chồng có vẻ hối-hận về những cử-chỉ của mình hồi nãy.

Chi bước ra nhà ngoài.

Nhìn bà Thiệt chăm-chai kháo và, nghĩ đến tấn kịch vừa rồi, chàng sực nhớ đến bà tiếng vợ Sai-gòn.

Vợ Sai-gòn — đã từ lâu, ba tiếng nay gieo bắt bực nhứt ý tưởng không gì vào một số dân chúng ngoại Bắc, và ngay người Bắc ở trong Nam nữa. Nghe nói « vợ Sai-gòn », người ta với « kinh-hoàng », hình-dung ngay một người đàn-bà chỉ ăn tàn phá hại, với cỡ hạ-dòng dài.... Xét ra, cái định-kien-lâm-lạc ấy, không phải không có nguyên-nhân. Bởi mấy năm trước thời kỳ kinh-tế khủng-hoàng, Nam-kỳ, một xứ chỉ chuyên-chú về nông-nghiệp, trống trơn mấy mùa lúa, mà lúa lại được giá cao, dân-cư phong-phú. Rồi, vì kiếm tiền dễ-dàng, người ta ăn xài hoang-phí, không kể đến ngày mai. Nhất dân chúng ở châu thành Sài-gòn, nhứt người sinh-lời biếng, bài bạc liêng-miên. Bởi chơi hơi mê man, làm gia-dinh thường không thời nắn gl, cứ đến bữa là giắt cả bầu đoàn thể từ ra ăn cơm biếu cho tiện. Lâu dần quen tính, nhưng trong những năm để kiếm tiền, các anh chồng cưa thấy « thâm-thía », sợ sa.Sau, gặp lúc lúa bị sự giá, đồng tiền eo hẹp, muốn các bà vợ dè-lăn ấy trở lại với nữ công, thì đã thành nếp mệt rồi. Tuy vậy, ai thử về « quý hờn » chỉ là bạng gái xuất thân ở chỗ chơi bời,

hoặc ở những gia đình kém giáo-ục, hiện thời cũng ít, nhưng không may chớ người Bắc nào vô Nam lấy phải, rồi kiếm được đồng nào cũng hết, cha mẹ vợ con ở nhà không được nhờ vả nữa. Ấy thế là một đồn-mười, mười đồn-trăm, ai có người nhà làm ăn trong Nam, nghe nói lấy « vợ Sai-gòn » là lo lắng, sợ hãi. Mà, thời đời, kẻ không trông xa biết rộng, thường « vợ dĩa cá nầm », khô g rở tút heo bạng người mà bình-phàm.

Nhiều người còn lầm lẫn, không phân-biệt người ở châu thành Sai-gòn với kẻ ở dưới Lục-linh, cũng như họ cho bất cứ một người Bắc kỳ nào cũng là dân Hà-nội cả.

« Vợ Sai-gòn », thì bà Thiệt cũng « vợ Sai-gòn »! Chồng chết, ở vậy làm ăn vất-và nuôi con, bà không hề tưởng đến cái vinh-dự cao-quý mà bà đáng được hưởng — cái vinh-dự của người đàn bà góa thủ-tiết, cái vinh-dự của người mẹ hi-sinh hạnh-phúc minh cho con cái. Bà chỉ biết thương con, thì bao nhiêu tình thương, tình yêu, phải dành riêng cả cho con.

Bà dành, một người mẹ nào tự hi-sinh vì con cái, cũng đáng quý, đáng trọng biết. Nhưng, trong bà xứ, có sống qua những gia-dinh lỏng cổ ngoại Trung, Bắc, mới thấy nhân-cách một người như bà Thiệt là đáng phục biết bao! Vì ở Trung, Bắc, ngoài những vị hiền-mẫu góa-bụa thực-tam ở vậy thủ-chồng nuôi con, lại còn các bà mẹ đối lòng, mền-cường thủ-tiết bởi sợ dư-luận, hoặc bởi ao-ước phồn-chữ vàng « tiết hạnh khá bông », mà không dám đi thêm bước nữa.



Nội tam kỳ, về hôn nhân, cái vấn-mình tây-phương tiếm-nhiệm vào dân chúng trong Nam nhiều hơn. Ở đây, đứng trước những cuộc li-di, tái-giá, dư-luận hoàn-toàn đứng-trung-lập. Chồng chết, ở vậy cũng hay, mà đi lấy chồng nữa cũng không sao. Bởi thế, đối với một người như bà Thiệt, sự thủ-tiết càng

đáng quý trọng hơn, vì nó thanh-thực, khỏi phát tự dấy lòng.

Bà rõ tiền-sử bà Thiệt, hôm nay lại được mục-kích cảnh về bênh chồng — dù là người khác xứ và đã bạc-dãi mình — của người đàn bà Nam-kỳ, Chi thấy bà tiếng « vợ Sai-gòn » mất hẳn ý xấu từ xưa truyền lại.

Chính sự thực, ở trong này, một đôi kại chàng đã trông thấy cảnh vợ xách dao chém chồng, nhưng cái trường-hợp ấy, như không xảy ra giữa những cặp chồng Bắc vợ Nam.

Chẳng biết, đây là cái may-mắn, hay chỉ tài « khéo-léo riêng » của những anh chồng Bắc!

— Viên có nhà không? Chi? Đứng trước tấm gương bần-

Bổ thân tiêu độc

Thuốc độc mạt tật...
nhất độc ngừa lễ độ...
của hoa tiêu thủy...
Hộp 680: Năm 1...
cá 14750. Xã...
... 100 g...
... 100 g...

MUA THUỐC TẾ ĐÀN
Hàng hóa không thiếu

Saigon: Rte. Nà...
chạy dài...
chạy dài...

